



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017
Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình

Mục lục

I. Thư ngỏ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

II. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát về Công ty.
2. Quá trình hình thành và phát triển.
3. Thành tựu đã đạt được.
4. Lĩnh vực và địa bàn hoạt động.
5. Mô hình quản trị và bộ máy quản lý.
6. Các rủi ro trong hoạt động.

III. Định hướng phát triển Công ty

1. Phương hướng và những giá trị.
2. Các mục tiêu chủ yếu của công ty.
3. Các mục tiêu về phát triển bền vững.

IV. Tình hình hoạt động trong năm 2017

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.
2. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án.
3. Tình hình tài chính.
4. Tình hình nhân sự.

V. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc điều hành

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
2. Phân tích tình hình tài chính.
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

VI. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty.
2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc điều hành Công ty.

VII. Định hướng phát triển 2018

1. Tổng quan về doanh nghiệp - Sứ mạng và các lĩnh vực hoạt động chủ yếu.
2. Định hướng phát triển trung hạn 2017-2021.
3. Định hướng năm 2018.
4. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 và các giải pháp.

VIII. Thông tin cổ đông và quản trị Công ty

1. Hội đồng Quản trị.
2. Ban Kiểm soát.
3. Lương thưởng, thù lao và các lợi ích của HĐQT, BKS và BGĐĐH.
4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu và tình hình cổ phiếu ALT.

IX. Báo cáo tài chính

1. Báo cáo của Ban Điều hành.
2. Báo cáo kiểm toán độc lập.
3. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán.
4. Bảng cân đối kế toán và các báo cáo hợp nhất.

X. Báo cáo phát triển bền vững

1. Cam kết của Ban lãnh đạo.
2. Quá trình tiến đến phát triển bền vững.
3. Vị thế hiện tại của công ty trong hành trình phát triển bền vững.
4. Xác định trách nhiệm.
5. Mối quan hệ với các bên liên quan.
6. Chỉ tiêu ESG Môi trường.
7. Chỉ tiêu ESG Xã hội.
8. Chỉ tiêu ESG – Quản trị công ty.





I. THƯ NGỎ CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý Cổ đông, Quý Khách hàng,

Quý Nhà đầu tư, đối tác và đồng nghiệp,

Thay mặt toàn thể Công nhân viên chức Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình (ALTA), HĐQT - Chúng tôi xin trân trọng gửi tới Quý vị cùng gia đình lời tri ân chân thành và lời chúc viên mãn trong cuộc sống và thịnh vượng trong sự nghiệp!

Kể từ ngày ALTA được cổ phần hóa năm 1998 đến nay thắm thoát thế mà đã 20 năm, cùng với sự cộng tác nhiệt thành của Quý vị, ALTA đã từng bước phát triển vững vàng. Từ tiền thân là một Doanh nghiệp Nhà Nước hoạt động đơn thuần trong lĩnh vực dịch vụ ngành văn hóa, tới bây giờ ALTA đã là một Công ty hoạt động SXKD công nghiệp theo mô hình Công ty Mẹ Con với 04 công ty thành viên hoạt động chuyên nghiệp trên từng lĩnh vực ALTA luôn đạt được. Các đối tác, khách hàng và các nhà đầu tư tin cậy đều đánh giá cao.

Nhìn lại chặng đường đã qua, 20 năm chúng ta đã bươn chải trong một không gian kinh tế toàn cầu nói chung và của Việt Nam nói riêng có lúc là một bức tranh được vẽ gần như hoàn toàn bằng những gam màu tối; giai đoạn 2011-2015 bối cảnh tình hình quốc tế có những diễn biến phức tạp, tình hình kinh tế trong nước gặp nhiều khó khăn... Thực tế đã cho thấy hàng loạt doanh nghiệp đã lâm vào hoàn cảnh khó khăn, phá sản. Công ty ALTA của chúng ta cũng không ngoại lệ khi nằm chung trong một tổng thể của nền kinh tế đó. Trước hoàn cảnh đó tất cả các thành viên Hội đồng quản trị đã cần mẫn tái cấu trúc ALTA vượt khó với sự chung sức chèo lái từ Ban lãnh đạo đến tất cả đội ngũ Công nhân viên chức, để không phụ niềm tin và sự kỳ vọng của Quý cổ đông.

Giờ đây chúng ta đang đứng trước cơ hội rất lớn để đưa Công ty ALTA bước sang một giai đoạn phát triển mới, một tầm cao mới. Để có những bước đi vững chắc phù hợp với hiện tại và giúp ALTA vươn xa hơn nữa trong tương lai thì chúng ta cần phải định hình lại

chiến lược hoạt động của doanh nghiệp. Chính vì thế Hội đồng quản trị đã thống nhất điều chỉnh tầm nhìn tổng thể và định hướng hoạt động của ALTA từ 2017- 2027 phải chuyển dịch mọi hoạt động SXKD trên nền tảng công nghệ 4.0, mặc dù chặng đường trước mặt đầy chông gai và thách thức đối với chúng ta nhưng phát huy những thành tích đã đạt được và những kinh nghiệm đã trải qua, trong xu thế hội nhập quốc tế hiện nay, chúng ta đang luôn chủ động sẵn sàng vượt khó, nâng cao sức mạnh nội tại của sức trẻ, nắm bắt mọi cơ hội để tiếp tục phát triển bền vững.

Với phương châm hành động “ *ALTA, người bạn liên kết chân thành* ” với quan điểm mở rộng hợp tác để hướng tới tương lai, chúng tôi luôn luôn đón chào các đối tác, các Nhà đầu tư, các Quý khách hàng tiềm năng cùng chúng tôi chia sẻ những cơ hội kinh doanh và đầu tư nhiều triển vọng. Sự ủng hộ và hợp tác của Quý vị Cổ đông ALTA là điều kiện tiên quyết cho thành công của chúng ta.

Trân trọng kính chào.

HOÀNG VĂN ĐIỀU

II. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

Tên giao dịch

Tên tiếng Anh

Tên viết tắt

Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình

ALTA COMPANY

ALTA

LOGO



Giấy chứng nhận đầu tư số

Vốn điều lệ

Vốn đầu tư chủ sở hữu

Địa chỉ trụ sở chính

Số điện thoại

Số fax

Email

Website

Mã cổ phiếu

61.725.230.000 đồng

235.192.442.147 đồng

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

084-28-38162884

084-28-38162887

alta@alta.com.vn

www.alta.com.vn

ALT



Quá trình hình thành và phát triển

1989

Tiền thân của Công ty ALTA là Công Ty Văn Hóa Tổng Hợp Tân Bình - một Doanh nghiệp Nhà nước, được thành lập từ năm 1989. Hoạt động theo cơ cấu “Dịch vụ - Thương mại - Sản xuất” chủ yếu trong lĩnh vực văn hóa tại thị trường nội địa.

1992

Năm 1992 Công ty được đổi tên là Công Ty Văn Hóa và Dịch vụ Tổng Hợp Tân Bình. Hoạt động theo cơ cấu “Sản xuất - thương mại - dịch vụ”.

1998

ALTA là Doanh nghiệp đầu tiên của ngành Văn hóa Việt Nam thực hiện cổ phần hóa và được chuyển đổi thành CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH theo Quyết định số 3336/QĐ - UB - KT ngày 26/06/1998 của UBND Tp.HCM và Giấy chứng nhận ĐKKD số 064111 do Sở KH & ĐT Tp.HCM cấp ngày 31/08/1998 với vốn điều lệ ban đầu là 13.347.000.000 đồng.

1999

Đầu tư Dự án Sản xuất bao bì xuất khẩu, vốn đầu tư 12 tỷ đồng, công suất 2.400 tấn/năm, tăng thêm 120 lao động. Đầu tư Hệ thống Chế bản tách màu điện tử, vốn đầu tư 03 tỷ đồng, công suất 50 triệu cm² phim/ năm, tăng thêm 20 lao động.

2000

Đầu tư Dự án Sản xuất hạt màu chủ, mặt hàng nguyên liệu lần đầu tiên được sản xuất tại Việt nam, xuất khẩu và bán nội địa (thay thế hàng ngoại nhập), với vốn đầu tư 3,5 tỷ đồng, công suất 1.200 tấn/năm, tăng thêm 30 lao động.

2001

Xây dựng Dự án di dời và đầu tư mới Nhà máy ALTA đặt tại KCN Tân Bình, tổng vốn đầu tư 80 tỷ đồng, trong đó xây dựng nhà xưởng và thuê đất 20 tỷ đồng, tăng thêm 200 lao động.

2002

Đầu tư Dự án Sản xuất in trên hệ thống in offset 05 màu, vốn đầu tư 11 tỷ đồng (nằm trong vốn đầu tư Nhà máy ALTA), nâng công suất in tối đa của Công ty từ 06 tỷ trang in lên 09 tỷ trang in/năm, tăng thêm 10 lao động.

2003

Đầu tư Dự án Sản xuất hóa chất nguyên liệu nhựa tổng hợp composite, vốn đầu tư 3.5 tỷ đồng (nằm trong vốn đầu tư Nhà máy ALTA).

2004

Đầu tư Dự án Sản xuất nguyên liệu ngành nhựa (hạt CaCO₃), mặt hàng nguyên liệu lần đầu tiên được sản xuất tại Việt Nam, xuất khẩu và bán nội địa (thay thế hàng ngoại nhập), vốn đầu tư 3,5 tỷ đồng, công suất 1.200 tấn/năm, tăng thêm 20 lao động.

2006

Đầu tư dự án Xây dựng Trung tâm Văn hóa Thương mại Lạc hồng, vốn đầu tư 40 tỷ tại địa điểm 91B Phạm Văn Hai, Quận Tân Bình. “Ngày 22/11/2006, Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình là DN đầu tiên thuộc ngành in ấn và bao bì xuất khẩu niêm yết cổ phiếu. Với Vốn điều lệ 13.347 tỷ đồng, ALTA chưa phải là DN mạnh về tài chính trong lĩnh vực nhiều cạnh tranh này, nhưng lại nổi tiếng là DN luôn tiên phong, cả về công nghệ lẫn sản phẩm.” (Trích đăng Báo Đầu tư chứng khoán số 47, ngày 20/11/2006).

2008

Ngày 02 tháng 02 năm 2008, ALTA khánh thành và khai trương Rạp ALTA 4D - MAX SUỐI TIÊN tại Khu Du Lịch Văn hóa Suối Tiên theo Hợp đồng Hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Du lịch Văn Hóa Suối Tiên. Nhân dịp kỷ niệm 10 năm cổ phần hóa (1998-2008) ALTA khánh thành và khai trương Trung tâm Thương mại & Giải trí ALTA PLAZA ngày 26/7/2008 tại địa điểm 91B2, đường Phạm Văn Hai, Phường 3, Quận Tân Bình, Tp.HCM với tổng diện tích sử dụng hơn 7.000 m2. Trong dịp này, ALTA cũng đưa vào hoạt động Rạp chiếu phim đa chiều cảm giác mạnh 3D TURBO RIDE và Khu công nghệ thể thao điện tử LASER GAME – lần đầu tiên có tại Việt nam. Thực hiện Nghị quyết của Đại hội Cổ đông 2008, tháng 12/2008 ALTA đã hoàn tất việc phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 4:1 để tăng Vốn điều lệ từ 39.951.250.000 đồng lên 49.339.050.000 đồng.

2009

Thành lập Công ty Liên doanh Đan-Việt giữa công ty ALTA và công ty FORMULA sản xuất thẻ thông minh (theo chương trình tài trợ Kết nối doanh nghiệp B2B giữa hai chính phủ Việt Nam và Đan Mạch) Thực hiện Nghị quyết của Đại hội Cổ đông 2009, tháng 12/2009 ALTA đã hoàn tất việc trả cổ tức đợt 1 năm 2009 bằng việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 100:9 và tăng vốn điều lệ từ 49.339.050.000 đồng lên 53.562.130.000 đồng.

2010

Khai trương 02 khu vực giải trí LASER ZONE tại 02 địa điểm vui chơi giải trí Suối Tiên và Siêu thị Maximark 3T2. Khánh thành tòa nhà văn phòng cho thuê 284-286 Hoàng Văn Thụ. Khai trương Trung tâm mua sắm Outlet Unique tại tòa nhà Alta Plaza trước đây với mô hình mua sắm hàng hiệu giá rẻ - lần đầu tiên có tại Việt Nam với qui mô lớn.

2014

Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2014, Công ty đã hoàn thành tăng vốn điều lệ bằng phương thức tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu. Kết thúc đợt phát hành, công ty đã tăng thêm 4.918.520.000 tỷ đồng, tương đương với số vốn điều lệ là 58.480.640.000 đồng.

2015

Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2015, Công ty đã hoàn thành tăng vốn điều lệ bằng phương thức tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu. Kết thúc đợt phát hành, công ty đã tăng thêm 3.244.590.000 đồng, tương đương với số vốn điều lệ là 61.725.230.000 đồng.

2016

Xây dựng Rạp Cinema TURBORIDE và Khu trò chơi giải trí SPACE SHIP tại Khu du lịch Suối Tiên

2017

Thành lập Công ty TNHH MTV Phát triển Phần mềm Âu Lạc (tháng 8/2017).



2. Thành tựu đã đạt được

a. Doanh thu và Lợi nhuận qua các năm

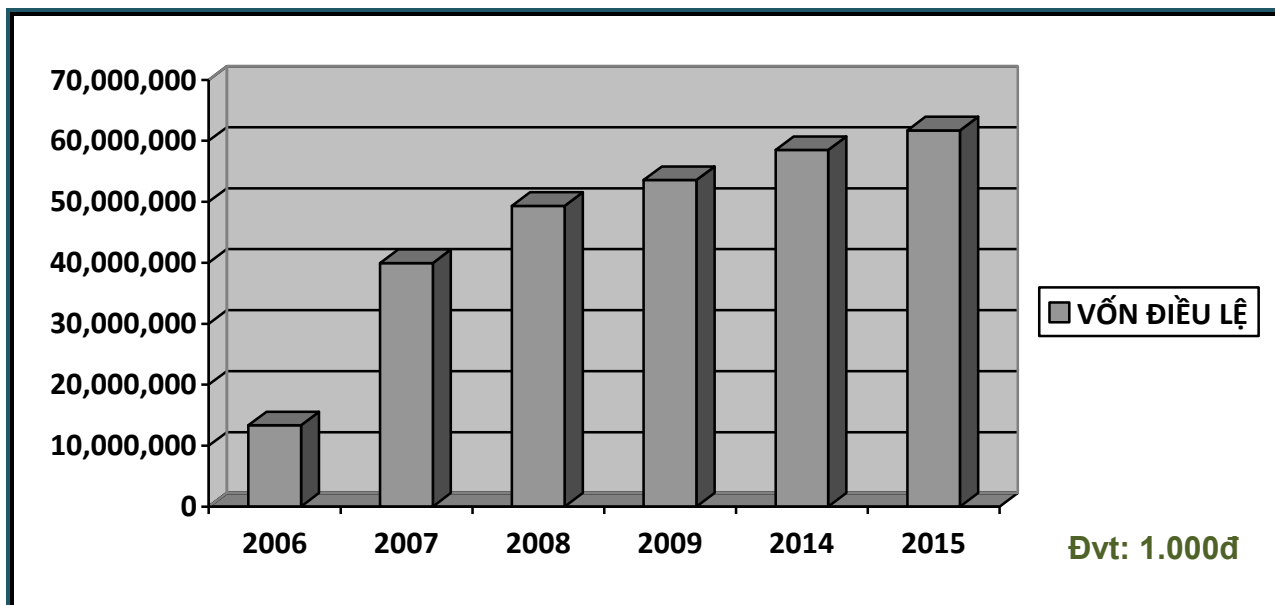
ĐVT: đồng

NĂM	DOANH THU	LỢI NHUẬN SAU THUẾ	VỐN ĐIỀU LỆ	TỔNG TÀI SẢN
2006	154.472.771.368	3.189.192.665	13.347.000.000	138.611.197.023
2007	180.245.292.938	8.694.685.159	39.951.250.000	235.839.942.843
2008	188.125.545.576	10.757.491.608	49.339.050.000	248.135.793.077
2009	154.472.771.368	9.145.944.375	53.562.120.000	264.827.900.639
2010	141.326.100.730	6.625.396.768	53.562.120.000	268.364.377.358
2011	172.203.931.433	6.028.992.749	53.562.120.000	246.465.466.432
2012	136.888.499.871	(6.458.705.600)	53.562.120.000	230.589.058.666
2013	123.413.115.014	2.138.281.455	53.562.120.000	217.675.433.988
2014	132.621.747.720	938.863.426	58.480.640.000	221.777.552.892
2015	135.286.205.191	6.011.381.394	61.725.230.000	235.192.442.147
2016	129.104.983.617	5.795.920.627	61.725.230.000	224.604.123.621
2017	144.589.709.984	7.682.732.707	61.725.230.000	228.319.841.394

b. Quá trình tăng vốn

ĐVT: đồng

Thời điểm	Vốn điều lệ điều chỉnh	Vốn điều lệ lũy kế
2006	//	13.347.000.000
2007	26.604.250.000	39.951.250.000
2008	9.387.800.000	49.339.050.000
2009	4.223.080.000	53.562.120.000
2014	4.918.520.000	58.480.640.000
2015	3.244.590.000	61.725.230.000



c. Thành tựu và đóng góp trong năm 2017

Stt	Nơi cấp	Thành tựu và đóng góp	Thời gian	Người ký
1		Cty ALTA-Chi tiền ủng hộ dự án nước sạch và học đường cho CTY Xanh Yêu Thương	04/04/2017	
2	Sở Tài nguyên Môi trường	CTY Nhựa Âu Lạc - Đóng góp tích cực cho chương trình Ngày hội tái chế chất thải Giai đoạn 10 năm (2008-2017)	05/04/2017	Giám đốc Sở TN-MT Ông Nguyễn Toàn Thắng
3	Ban Quản lý Khu chế xuất - KCN TP Hồ Chí Minh	TGD công ty ALTA- Doanh nhân tiêu biểu TP Hồ Chí Minh	26/09/2017	Trưởng ban Quản lý Ông Nguyễn Hoàng Năng

3. Lĩnh vực và địa bàn hoạt động

a. Ngành nghề

Ngành In: Thực hiện các công đoạn từ trước in, in ấn và sau in đối với xuất bản phẩm và các loại ấn phẩm gồm: sách, báo, tạp chí, nhãn hàng, bao bì hàng hóa, brochure quảng cáo, tờ bướm, poster vv...

Ngành Nhựa: Sản xuất xuất khẩu các loại bao bì nhựa PE, các sản phẩm thân thiện môi trường như: bao bì nhựa tự phân hủy và các loại hợp chất nhựa như: hạt màu chủ (masterbatches), hạt nhựa CaCO₃.

Ngành Dịch vụ Văn hoá và Giải trí: Sản xuất và phát hành chương trình âm nhạc gồm các thể loại: thơ, ca, cổ nhạc, hòa tấu vv... dành cho mọi lứa tuổi; Quảng cáo đa phương tiện, các loại dịch vụ giải trí và chiếu phim đa chiều, công nghệ thể thao điện tử... Các hoạt động khác: sản xuất khăn giấy cao cấp, cho thuê mặt bằng, xây dựng công nghiệp vv...

b. Địa bàn

Trong nước: Tp.HCM và các tỉnh thành trong cả nước.

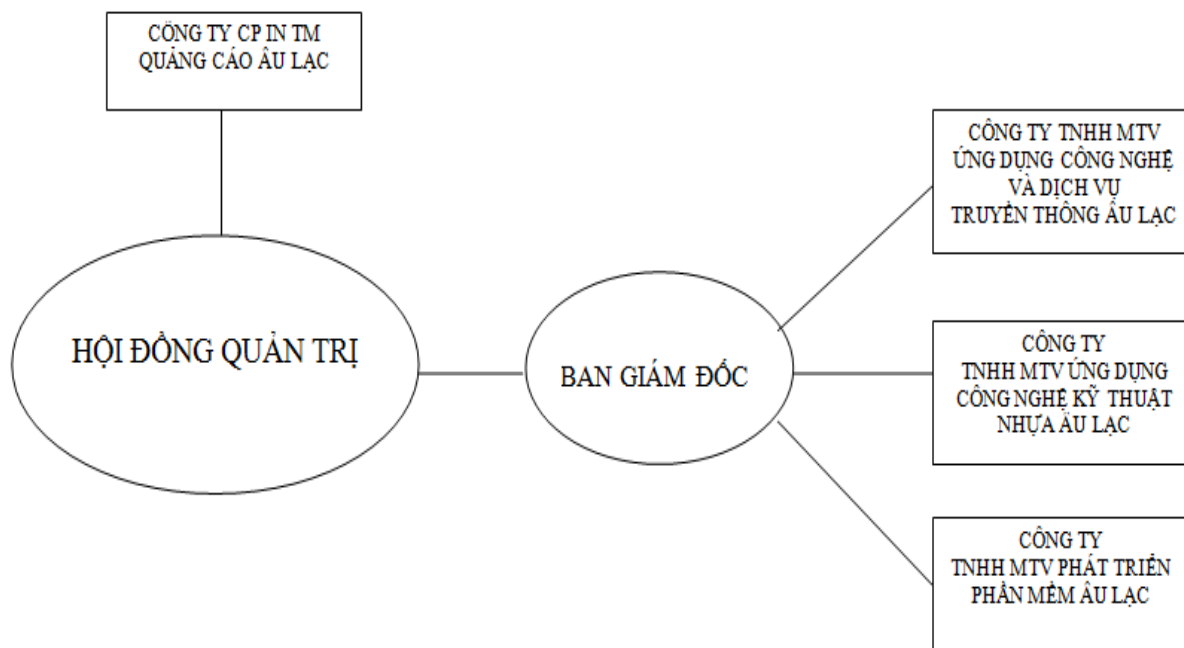
Ngoài nước: Xuất khẩu đi các nước thuộc Châu Âu, Châu Á, Châu Úc, Châu Mỹ.

Trong đó, địa bàn hoạt động thường xuyên và mang lại doanh thu lớn trong năm gần đây của công ty là TP.HCM.

4. Mô hình quản trị và bộ máy quản lý.

a. Mô hình quản trị

ALTA là công ty cổ phần hoạt động quản trị theo mô hình công ty mẹ – con. Về mặt tổ chức cả công ty mẹ và các công ty con đều theo hình thức quản trị 3 cấp: Cấp công ty – Cấp bộ phận và Cấp chức năng. Riêng với các công ty liên quan và liên kết, Công ty ALTA là cổ đông góp vốn và tham gia trong Hội đồng quản trị của các công ty này.



	Công ty	Vốn điều lệ	Ngày thành lập
Công ty liên kết	Công ty Cổ phần In thương mại Quảng cáo Âu Lạc	10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng)	27/11/2008
Công ty con	Công ty TNHH MTV Ứng Dụng Công Nghệ và Dịch vụ truyền thông Âu Lạc (Alta Media)	20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng)	08/08/2008
	Công ty TNHH MTV Ứng Dụng Công Nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc (Alta Plastic)	20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng)	13/08/2013
	Công ty TNHH MTV Phát triển phần mềm Âu Lạc (Alta Software)	5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng)	15/08/2017

b. Hội đồng quản trị

Ông Hoàng Văn Điều - Chủ tịch HĐQT	
Năm sinh	1953
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế, Cử nhân chính trị
Tóm tắt quá trình công tác	Đảm nhiệm chức vụ Giám đốc Công ty từ năm 1989. Từ ngày 30/06/2014, Ông Điều không còn kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Công ty. Hiện nay, Ông Điều là Chủ tịch HĐQT của ALTA
Chức vụ HĐQT đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phiếu nắm giữ	578.860 cổ phần chiếm tỷ lệ 10,09% SLCP có quyền biểu quyết

Bà Lại Thị Hồng Diệp – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc điều hành	
Năm sinh	1961
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Tài chính – Kế toán, Cử nhân Quản trị kinh doanh
Tóm tắt quá trình công tác	Làm việc tại công ty ALTA từ năm 1989 đến nay với các chức vụ Kế toán trưởng năm 1989, Giám đốc Tài chính từ năm 2001, Giám đốc Điều hành từ năm 2006, Phó Tổng Giám đốc từ năm 2011. Hiện Bà Diệp là Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc Công ty ALTA
Chức vụ HĐQT đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phiếu nắm giữ	355.863 cổ phần chiếm tỷ lệ 6,20% SLCP có quyền biểu quyết

Ông La Thế Nhân - Thành viên HĐQT	
Năm sinh	1961
Trình độ chuyên môn	Bác sĩ Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh

Tóm tắt quá trình công tác	Hiện là Giám đốc Công ty Cổ phần In - Thương mại - Quảng cáo Âu Lạc đồng thời là Thành viên HĐQT của ALTA
Chức vụ HĐQT đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phiếu nắm giữ	295.550 cổ phần chiếm tỷ lệ 5,15% SLCP có quyền biểu quyết
Ông Nguyễn Minh Tuấn - Thành viên HĐQT	
Năm sinh	1978
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Tài chính
Chức vụ HĐQT đang nắm giữ tại tổ chức khác	Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ ACB
Số cổ phiếu nắm giữ	Cá nhân 1670 cổ phiếu và Đại diện 1.051.244 cổ phiếu của Cy Địa ốc ACB

Ông Hoàng Minh Anh Tú - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc điều hành	
Năm sinh	1980
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Công nghệ Thông tin tốt nghiệp tại Canada
Quá trình công tác	Giám đốc Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc từ năm 2008, được bổ nhiệm Tổng giám đốc của ALTA từ 01/07/2014.
Chức vụ HĐQT đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phiếu nắm giữ	28.595 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,50% SLCP có quyền biểu quyết

c. Ban Kiểm soát

Bà Thái Thị Phụng - Trưởng Ban Kiểm soát	
Năm sinh	1965
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác	Bà Phụng đã làm việc tại ALTA từ năm 1993 đến nay, hiện là Giám đốc tiếp thị của Công ty.
Số cổ phần sở hữu	24.147 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,42% SLCP có quyền biểu quyết. Đại diện vốn 230.000 cổ phần của công ty Liksin chiếm tỷ lệ 4% SLCP có quyền biểu quyết

Bà Quách Thị Mai Trang - Thành viên Ban Kiểm soát	
Năm sinh	1960
Trình độ chuyên môn	Trung cấp Kinh tế - Kế hoạch
Quá trình công tác	Hiện nay là Trưởng ban kiểm soát nội bộ của Công ty.
Số cổ phần sở hữu	2819 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,05% SLCP có quyền biểu quyết

Ông Lê Quốc Thắng - Thành viên Ban Kiểm soát	
Năm sinh	1962
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Luật
Quá trình công tác	Nguyên Giám đốc Trung tâm Băng đĩa nhạc Trùng Dương

Số cổ phần sở hữu	72 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,013% SLCP có quyền biểu quyết
-------------------	--

d. Ban Giám đốc điều hành

Ông Hoàng Minh Anh Tú - Tổng giám đốc
 Xem tại phần Sơ yếu lý lịch Thành viên Hội đồng quản trị

Bà Lại Thị Hồng Điệp - Phó Tổng giám đốc
 Xem tại phần Sơ yếu lý lịch Thành viên Hội đồng quản trị

Ông Hoàng Minh Anh Tài - Phó Tổng giám đốc Kinh Doanh	
Năm sinh	1982
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Quản trị kinh doanh tốt nghiệp tại Canada
Tóm tắt quá trình công tác	Phó Giám Đốc Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc từ năm 2008. Giám đốc công ty Alta Media. Phó Tổng giám đốc Kinh Doanh từ năm 2014.
Số cổ phiếu nắm giữ	0 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,00% SLCP có quyền biểu quyết



5. Các rủi ro trong hoạt động:

a. Rủi ro tỷ giá

- Với địa bàn hoạt động cả trong và ngoài nước cùng với nguồn nguyên liệu chủ yếu là hàng nhập, yếu tố tỷ giá ngoại tệ có ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên trong năm 2017

chỉ số giá đô la Mỹ không có biến động lớn (cao nhất 03/02/2017 là 22.880 đ; thấp nhất 24/01/2017 là 22.590đ)

- Công ty vẫn luôn theo sát diễn biến của tình hình thị trường ngoại tệ trong và nước để có biện pháp phòng ngừa rủi ro kịp thời.

b. Rủi ro lãi suất

- Sự biến động của lãi suất sẽ tác động đến chi phí tài chính Công ty phải trả cho các khoản phải trả cũng như các lợi nhuận nhận được từ tiền gửi ngân hàng, cho vay hoặc các công cụ tài chính khác. Hiện nay các khoản nợ tín dụng của công ty chiếm tỷ trọng khá nhỏ trong cơ cấu tài sản, do đó rủi ro này chưa tác động đáng kể đến hoạt động của công ty.
- Đối với các khoản đầu tư tài chính của Công ty, xét về phương diện vĩ mô, sự thay đổi của lãi suất sẽ ảnh hưởng đến hoạt động của các tổ chức mà công ty đầu tư, từ đó ảnh hưởng đến giá trị trường của các khoản đầu tư.
- Công ty luôn theo sát diễn biến kinh tế vĩ mô, động thái điều hành lãi suất, tình hình hoạt động của các tổ chức tín dụng, từ đó đưa ra các dự báo và có các quyết định kịp thời.

c. Rủi ro pháp luật

- Hoạt động dưới mô hình Công ty cổ phần, Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật doanh nghiệp, Luật Thuế, Luật kế toán, kiểm toán;.. Ngoài ra, Công ty đã niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội do đó Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan cũng tác động đến Công ty.
- Để đáp ứng sự thay đổi của nền kinh tế mở cửa, hội nhập, trong thời gian tới các quy định của Pháp luật sẽ còn nhiều điều chỉnh để đáp ứng kịp thời các quan hệ kinh tế phát sinh. Với rủi ro mang tính hệ thống này, Công ty đã có các biện pháp quản trị như: liên tục cập nhật các văn bản pháp luật, mỗi bộ phận có trách nhiệm nghiên cứu quy định liên quan đến lĩnh vực của mình và báo cáo cho Ban lãnh đạo về sự thay đổi ngay khi có thông tin; sử dụng dịch vụ tư vấn phù hợp.

d. Rủi ro khác

- Các rủi ro khác do thiên tai, hỏa hoạn ... có xác suất xảy ra thấp nhưng có thể gây thiệt hại lớn về cơ sở vật chất và con người, ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.



III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. Phương hướng và những giá trị

a. Phương hướng

- Xây dựng thương hiệu Alta uy tín.
- Cam kết hợp tác chân thành.
- Tạo lập giá trị tốt nhất cho cổ đông.

b. Những giá trị

- Luôn tôn trọng sự chân thực.
- Sẵn sàng hợp tác và liên kết.
- Tổ chức thống nhất hành động.



2. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Chuỗi hành động hướng tới mục tiêu của ALTA chính là:

- Khuyến khích và đòi hỏi sáng tạo để đáp ứng nhu cầu của khách hàng, bảo đảm uy tín và chất lượng sản phẩm.
- Luôn luôn quan tâm xây dựng và phát triển thương hiệu ALTA.
- Thành công cùng đối tác: Trong suốt quá trình hoạt động, ALTA luôn quan tâm đến việc xây dựng các mối quan hệ đối tác bền vững dựa trên sự tin cậy và lợi ích hài hòa.
- Lấy hiệu quả làm nền tảng: ALTA luôn lấy hiệu quả làm nền tảng trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của mình để từ đó giúp công ty đạt được lợi thế cạnh tranh và góp phần xây dựng cộng đồng.
- Sẵn sàng thay đổi để sửa chữa, thích nghi và phát triển.

3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng.

Với mục tiêu phát triển bền vững, Công ty luôn ý thức trách nhiệm của doanh nghiệp đối với môi trường, xã hội cũng như cộng đồng là một phần không thể thiếu. Vì vậy, Công ty đã đặt ra một số tiêu chí sau trong quá trình hoạt động của mình.

- Tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường sống; áp dụng các công nghệ tiên tiến trong sản xuất nhằm giảm thiểu tối đa các tác động tiêu cực trong quá trình sản xuất đối với môi trường. Sử dụng tài nguyên và năng lượng tiết kiệm và hợp lý. Quản lý chất thải, khí thải, nước thải đúng qui định để chúng không ảnh hưởng đến môi trường.
- Tạo ra các sản phẩm bảo đảm sức khỏe và an toàn cho người tiêu dùng. Tuyển dụng và sử dụng lao động không chỉ tuân thủ các quy định của Luật Lao động mà công ty còn tạo ra một môi trường lao động tốt hơn đồng thời phát triển các sinh hoạt nâng cao đời sống tinh thần. Không để xảy ra tình trạng bóc lột, lao động cưỡng bức hoặc lao động trẻ em.
- Cùng góp phần xây dựng và phát triển cộng đồng địa phương, sẵn sàng san sẻ khó khăn với các hoàn cảnh đặc biệt trong địa bàn hoạt động của mình.
- Tôn trọng và tuân thủ quy định pháp luật trong hoạt động kinh tế và quản trị, bảo đảm minh bạch thông tin, đối xử bình đẳng với cổ đông và các thành viên trong tổ chức. Xây dựng tinh thần cạnh tranh lành mạnh và phòng chống tham nhũng trong hoạt động quản trị.



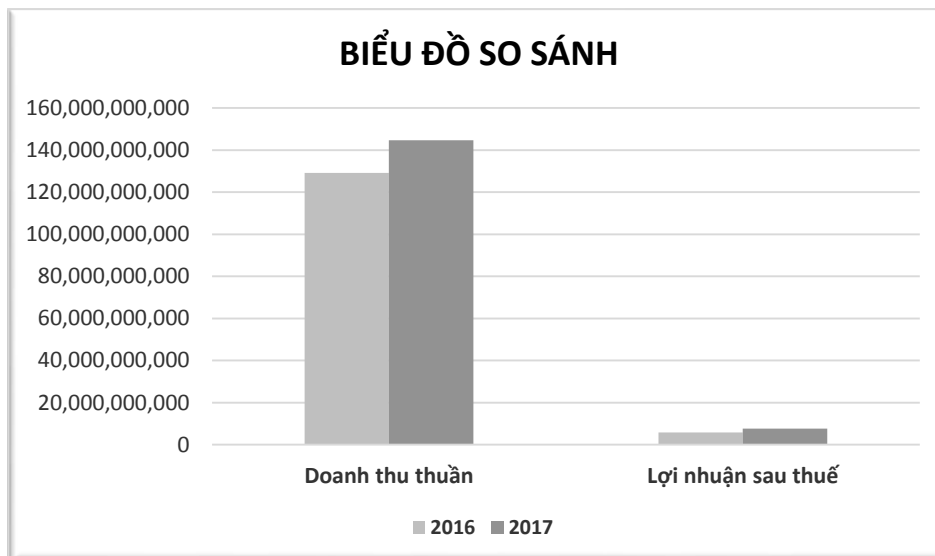
IV. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

a. Số liệu

Đvt: đồng

Chỉ tiêu	2016	2017
Doanh thu thuần	129.104.983.617	144.589.709.984
Lợi nhuận gộp	20.237.247.869	18.068.746.273
Lợi nhuận từ HĐKD (bao gồm lãi / lỗ liên doanh liên kết)	6.688.720.862	7.684.457.174
Lợi nhuận khác	(187.653.669)	297.644.104
Lợi nhuận trước thuế	6.501.067.193	7.982.101.278
Lợi nhuận sau thuế	5.795.920.627	7.682.732.707
EPS	1.010	1.339



- Tình hình chung của công ty năm vừa qua: Doanh thu thuần năm 2017 tăng 12% so với năm trước, lợi nhuận sau thuế tăng 33% so với năm trước. EPS đạt 1.339 đồng.

Đơn vị: triệu đồng

NGÀNH	2015		2016		2017	
	Doanh thu	LN gộp	Doanh thu	LN gộp	Doanh thu	LN gộp
In	13.982	2.137	5.924	497	4.316	255
Bao bì Nhựa	51.672	1.130	49.025	944	67.569	2.076
Khăn giấy, thương mại	15.339	465	14.612	3.480	17.401	3.059
Giải trí, truyền thông và các dịch vụ khác	54.293	13.853	59.544	15.315	55.304	12.679
Cộng	135.286	17.585	129.105	20.237	144.590	18.069

NGÀNH	TỶ TRỌNG 2015		TỶ TRỌNG 2016		TỶ TRỌNG 2017	
	Doanh thu	LN gộp	Doanh thu	LN gộp	Doanh thu	LN gộp
In	10,34%	12,15%	4,59%	2,46%	2,98%	1,14%
Bao bì Nhựa	38,19%	6,43%	37,97%	4,67%	46,73%	11,49%
Khăn giấy, thương mại	11,34%	2,64%	11,32%	17,20%	12,03%	16,93%
Giải trí, truyền thông và các dịch vụ khác	40,13%	78,78%	46,12%	75,68%	38,25%	70,17%
Cộng	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%

- Năm 2017, doanh thu sản xuất in của công ty giảm do công ty thu hẹp ngành này.
- Doanh thu ngành nhựa, hóa chất tăng do bán hàng nội địa tăng.
- Ngành sản xuất giấy, thương mại doanh thu tăng.
- Ngành truyền thông, giải trí và các dịch vụ khác vẫn giữ ổn định.

b. Chiến lược kinh doanh

Trong năm 2017, Công ty đã có một số thay đổi trong chiến lược kinh doanh, sản phẩm và dịch vụ như sau:

Tiếp tục chiến lược phát triển thị trường nội địa để thay thế thị trường xuất khẩu vẫn suy thoái trầm trọng, công ty đẩy mạnh cung ứng mặt hàng truyền thống là bao bì đựng hàng ở các siêu thị và các tập đoàn bán lẻ mới, ngoài ra công ty vẫn phát triển sản xuất đều đặn các sản phẩm chuyên biệt / đa dụng như túi rác qui định màu cho các bệnh viện, tấm trải đa năng bằng nhựa cho sinh hoạt thường ngày, túi đựng thực phẩm an toàn, túi rác thơm có tác dụng khử mùi tại gia đình... Năm 2017 doanh thu ngành nhựa tăng cao do trong năm tuyển thêm nhân sự để mở rộng thêm thị trường, cụ thể KH mới tăng rất nhiều, tập trung vào các KH lớn.

Đối với thị trường nước ngoài, Công ty không ký hợp đồng gia công vì lợi nhuận thấp nhưng rủi ro cao, thay vào đó công ty đang chào các mặt hàng riêng để từng bước tiếp cận với các nhà phân phối mới.

Đối với mảng truyền thông, công ty với chiến lược cung ứng các mặt hàng công nghệ cao đi trước thị trường và kết hợp với nội dung sáng tạo, tương thích đã tăng được số lượng khách hàng mới với doanh thu tốt.

Tuy nhiên, riêng mặt hàng led vì đã trở nên phổ biến và cạnh tranh cho thuê ngày càng gay gắt làm đơn giá thuê giảm từ 10 đến 15%, riêng thị trường TPHCM giảm đến 20%.

c. Sản phẩm mới, khách hàng mới, thị trường mới.

- Sản phẩm mới

+ Ngành bao bì nhựa

Phát triển thêm dòng sản phẩm túi rác mới như túi rác có hương, tấm trải đa năng có hương... các loại sản phẩm này phát triển vào kênh siêu thị.

Bên cạnh đó phát triển thêm các mã hàng túi rác mới cho các công ty phân phối

+ Ngành truyền thông

▪ Phần mềm marketing

Royal Salute (Taiwan, Korea và Hongkong): activation

app: https://drive.google.com/file/d/1Dx4hfAjA_uqQnyx_ZmYXy-rksv18hYa/view?usp=sharing

Martel (Global): digital app: <https://www.frontiermagazine.co.uk/news/martell-unveils-chinese-new-year-limited-edition-pop-bar-activation-16-02-2018/>

▪ Phần mềm lịch sử

Dinh Độc lập: <https://video.vnexpress.net/tin-tuc/du-lich/nhung-tu-lieu-lan-dau-duoc-trung-bay-o-dinh-doc-lap-3720925.html>

- Khách hàng mới:

Công ty đã có thêm một số khách hàng lớn trực tiếp và qua các nhà phân phối lớn vào các hệ thống siêu thị lớn như Big C, Satra, Bách hóa Xanh, Điện máy Chợ Lớn, Nguyễn Kim, Siêu Thị Hà Nội, Bitis, Ngân hàng SCB. ACB, VCB Hệ thống CJ Freshway VN, các nhà phân phối lớn như Khánh Mỹ, Mỹ Gia, Việt An, Tây Đô...

+ Mảng truyền thông: CJ Blue Group, Đông Tây, Cát Tiên Sa, ADT, Dentsu Vietnam, Mindshare, Mediacom, Đất Việt VAC...

- Thị trường mới

+ Mở rộng ra các tỉnh lân cận phía Bắc – ngành bao bì nhựa.

- + Về kinh doanh lập trình tương tác đã thực hiện các dự án tương tác tại các nước Châu Á như Singapore...

d. Nguồn cung cấp

- Ngành giấy tiếp tục nhập thêm các loại giấy mới để đa dạng sản phẩm.
- Nhập thêm hạt phụ gia ngành nhựa và hạt tái sinh nhằm giảm giá thành sản phẩm, giảm tỷ lệ phế liệu.



2. Tình hình đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Đơn vị: đồng

Năm 2017	Giá trị ALTA đầu tư đến 31/12/2017	Tổng tài sản
Công ty con		
Công ty TNHH Một thành viên Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền Thông Âu Lạc	20.000.000.000	42.288.882.495
Công ty TNHH Một thành viên Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc	20.000.000.000	46.342.357.244
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	15.879.991.532	48.175.617.922

Ngoài ra, Công ty còn có 122,3 triệu đồng đầu tư vào cổ phiếu của CTCP Dược phẩm Đồng Nai và CTCP Giấy Lệ Hoa.

3. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	2016	2017	So sánh
Tổng Tài sản		224.604.123.621	228.246.041.394	102%
Doanh thu thuần	VNĐ	129.104.983.617	144.589.709.984	112%
Lợi nhuận gộp	“	20.237.247.869	18.068.746.273	89%
Lợi nhuận từ Hoạt động SXKD (bao gồm lãi / lỗ liên doanh liên kết)	“	6.688.720.862	7.684.457.174	115%
Lợi nhuận khác	“	(187.633.669)	297.644.104	122%
Lợi nhuận trước thuế	“	6.501.067.193	7.982.101.278	123%
Lợi nhuận sau thuế	“	5.795.920.627	7.682.732.707	133%

EPS	“	1.010	1.339	133%
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	5,97	6,39	
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	4,14	4,84	
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	8,41	8,48	
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	9,18	9,27	
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	2,79	4,08	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	0,57	0,63	
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	4.49%	5.31%	
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	2.82%	3.68%	
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	2.58%	3.36%	
Hệ số Lợi nhuận từ HĐ kinh doanh/Doanh thu thuần	%	3.80%	3.96%	

Các khoản nợ của Công ty chiếm tỷ trọng khá nhỏ trong cơ cấu nguồn vốn. Tính trên Vốn chủ sở hữu, nợ chỉ chiếm 9,27% và tăng không đáng kể so với năm trước. Công ty không sử dụng nợ dài hạn để tài trợ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như đầu tư của mình. Chính vì vậy mà các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty đều rất tốt. Đa phần các khoản nợ phải trả phát sinh do quá trình sản xuất kinh doanh thông thường như người mua trả tiền trước hay các khoản còn phải trả cho người lao động.

Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn tăng từ 5,97 lần năm lên 6,39 lần năm do công ty giảm vay ngân hàng. Khả năng thanh toán nhanh của công ty tăng từ 4,14 lên 4,84 trong năm nay.

Qua bảng số liệu trên có thể thấy Công ty đang có tình hình tài chính ổn định và lành mạnh, đồng thời cần tập trung đẩy mạnh khâu kinh doanh, quản lý chặt chẽ chi phí, từ đó nâng cao khả năng sinh lời của Công ty hơn nữa.



4. Tình hình nhân sự

Tính đến 31/12/2017, Công ty có 229 lao động

STT	Tính chất phân loại	Số lượng 2016	Tỷ lệ 2016	Số lượng 2017	Tỷ lệ 2017
I	Theo trình độ	221	100,00%	229	100%
1	Đại học	38	17,19%	40	17,47%
2	Cao đẳng	47	21,27%	48	20,96%
3	Trung cấp	13	5,88%	21	9,17%
4	Phổ thông trung học trở xuống	123	55,66%	120	52,40%
II	Theo tính chất hợp đồng lao động	221	100,00%	229	100%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	68	30,77%	83	36,24%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	131	59,28%	139	60,70%
3	Hợp đồng theo thời vụ (công nhật)	22	9,95%	7	3,06%

Chính sách đãi ngộ người lao động của Công ty gắn liền kết quả làm việc với lương thưởng. Năm qua công ty đã áp dụng tiếp tục sử dụng công cụ KPI để đánh giá công việc, vừa tạo sự khách quan trong đánh giá công ty đồng thời tăng hiệu suất lao động. Ban lãnh đạo và các bộ phận nhân sự, tài chính kế toán đã cùng phối hợp để đảm bảo thanh toán lương cho CBCNV đúng thời hạn. Lương bình quân của Công ty năm 2017 đạt 7.940.000 đồng, tăng % so với năm trước.

ALTA đảm bảo việc thực hiện các quy định về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, thực hiện chế thai sản, nghỉ lễ tết, thời gian nghỉ ngơi... theo quy định của Bộ Luật lao động và các văn bản pháp luật liên quan để CBCNV có thể yên tâm làm việc. Ngoài ra công ty còn thực hiện kiểm tra sức khỏe định kỳ cho nhân viên, tổ chức tham quan nghỉ mát để tạo sự gắn kết giữa các thành viên trong tập thể ALTA.

Ngoài ra, Ban lãnh đạo Công ty đặc biệt quan tâm đến vấn đề an toàn lao động. Toàn bộ CBCNV của ALTA đều phải tham gia tập huấn phòng chống cháy nổ, thoát hiểm, sơ cấp cứu. Đối với khối sản xuất, nhân viên phải tuân thủ về trang phục bảo hộ lao động, đảm bảo quy trình làm việc và tuân thủ sự giám sát của cán bộ quản lý để đảm bảo giảm thiểu tối đa rủi ro xảy ra trong quá trình lao động.

Với một công ty có thời gian hoạt động lâu dài và định hướng phát triển dài hạn như ALTA, việc thiết lập văn hóa doanh nghiệp và môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiện đại là hết sức cần thiết. Vì vậy mà những năm qua, Công ty đã rà soát lại chế độ đãi ngộ nhân viên, tạo dựng các giá trị văn hóa trong Công ty, có chính sách đãi ngộ thỏa đáng không ngoài mục tiêu xây dựng ngôi nhà ALTA thân thiện, chuyên nghiệp và vững vàng.



V. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017

ĐVT: đồng

STT	CHỈ TIÊU	2016	2017	TH 2017/2016
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	129.178.483.544	144.649.067.123	112%
	Trong đó: Doanh thu hàng xuất khẩu (USD)	194.901		
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	73.499.927	59.357.139	81%
-	Hàng bán bị trả lại	60.422.615	56.361.382	93%
3	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	129.104.983.617	144.589.709.984	112%
4	Giá vốn hàng bán	108.867.735.748	126.520.963.711	116%
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.273.247.869	18.068.746.273	89%
6	Doanh thu hoạt động tài chính	2.541.895.046	3.602.298.427	142%
7	Chi phí tài chính	533.619.400	331.110.041	62%
8	Chi phí bán hàng	4.281.767.248	5.029.290.178	117%
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	13.055.646.460	10.591.297.108	81%
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	4.908.109.807	5.719.347.373	117%
11	Thu nhập khác	60.514.222	563.410.945	
12	Chi phí khác	248.167.891	265.766.841	107%
13	Lợi nhuận khác	(187.653.669)	297.644.104	
14	Phần lãi trong công ty liên kết	1.780.611.055	1.965.109.801	110%
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.501.067.198	7.982.101.278	123%
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	705.146.566	299.368.571	42%
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.795.920.627	7.682.732.707	133%
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.010	1.339	133%

Với kế hoạch 6 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, năm qua Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch Đại hội cổ đông đặt ra với các diễn biến sau:

- Giá vốn hàng bán tăng 16% trong khi doanh thu tăng 12% dẫn đến lợi nhuận gộp giảm 11%.
- Chi phí bán hàng tăng 17% do đầu vào khâu lưu thông tăng cao, công ty đẩy mạnh công tác kinh doanh tiếp thị, khuyến mãi, chi phí lương nhân viên tăng.
- Chi phí quản lý giảm 19% là do sắp xếp lại tổ chức hợp lý hơn.
- Lợi nhuận thuần tăng 17%, lãi liên kết tăng 10% dẫn đến lợi nhuận trước thuế tăng 23%.
- Tuy EPS năm 2017 1.339 đ/ cổ phiếu nhưng tỷ số ROE (lãi ròng trên Vốn CSH) 3,36% vẫn là con số cần được cải thiện vào các năm sau nữa.

2. Phân tích tình hình tài chính năm 2017

Đvt: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm
Tổng tài sản	224.604.123.621	228.319.841.394	1,65%
Tài sản ngắn hạn	112.729.841.154	120.111.424.249	6,55%
Tài sản dài hạn	111.874.282.467	108.208.417.145	-3,28%
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	50,19%	52,61%	2,42%
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	49,81%	47,39%	-2,42%
Tổng nợ	18.893.028.533	19.361.099.527	2,36%
Nợ ngắn hạn	18.893.028.533	18.811.099.527	-0,55%
Nợ dài hạn	0	550.000.000	
Nợ phải trả /Tổng nguồn vốn	8,41%	8,48%	0,06%
Tổng nguồn vốn	224.604.123.621	228.319.841.394	1,65%
Vốn chủ sở hữu	205.711.095.088	208.958.741.867	1,59%
Vốn chủ sở hữu / tổng nguồn vốn	91,59%	91,52%	-0,06%
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	4,49%	5,31%	0,82%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	2,82%	3,68%	0,86%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	2,58%	3,36%	0,78%
Hệ số Lợi nhuận từ hợ kinh doanh/Doanh thu thuần	3,80%	3,96%	0,15%



a. Phân tích tài sản

Tỷ suất đầu tư ngắn hạn năm 2017 tăng nhẹ từ 50,19% lên 52,59 %, tỷ suất tài sản dài hạn năm 2017 giảm từ 49,81% xuống 47,41 %. Những thay đổi này không đáng kể.

Tỷ suất tự tài trợ tài sản cố định là 2,7lần. Đây là chỉ tiêu nói lên sự ổn định về tài chính của Công ty.

b. Phân tích nguồn vốn

Nợ ngắn hạn giảm nhẹ 0,43%% và đòn cân nợ tăng nhẹ từ 0,08 lên 0,09.

Vốn chủ sở hữu có tăng 1,58%, do trong năm doanh nghiệp hoạt động kinh doanh có lãi hơn năm trước.

c. Phân tích tình hình công nợ

Khoản phải thu ngắn hạn từ bán hàng tăng.

Khoản phải trả tăng .

Vòng quay các khoản phải thu là 5,49 vòng, số ngày trung bình để thu được khoản phải thu là 65 ngày là do công ty có chính sách trả chậm với 1 số tập đoàn bán lẻ lớn. Điều này cũng nói lên tình hình cạnh tranh mạnh mẽ trên thương trường.

d. Phân tích khả năng thanh toán

Tỷ lệ thanh toán hiện hành vẫn giữ ổn định ở mức 6,39 lần - đây là một tỷ lệ tốt về tài chính.

Tỷ lệ thanh toán nhanh tăng từ 4,14 lần lên 4,84 lần - đây cũng là một tỷ lệ tốt, xác định công ty hoàn toàn có khả năng thanh toán nhanh công nợ ngắn hạn.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

a. Chính sách quản trị - điều hành

- Năm qua Công ty đã ổn định về mặt nhân sự, không có tình trạng bỏ việc gây ảnh hưởng đến tính liên tục của hoạt động.
- Hoạt động kinh doanh với cơ chế linh động và hiệu quả, đã phát triển tốt, đem về nhiều đơn hàng và khách hàng lớn, tạo điều kiện tăng năng suất và tiêu thụ.
- Ban điều hành các công ty con phát huy tính chủ động trên cơ sở được trao quyền hạn và trách nhiệm rõ ràng.
- Xây dựng và thực hiện vòng cung ứng nội bộ để nâng cao tiềm lực và sự hỗ trợ lẫn nhau của các đơn vị nội bộ.

b. Chiến lược phát triển sản phẩm.

- Nghiên cứu và phát triển sản phẩm riêng phù hợp với nhu cầu của các khách hàng lớn và người tiêu dùng trực tiếp sử dụng.
- Phát triển sản phẩm trên ý tưởng cùng cộng tác với nhà phân phối đã có kinh nghiệm và uy tín tại thị trường trong và ngoài nước.
- Nghiên cứu và phát triển các sản phẩm công nghệ thông tin và truyền thông theo hướng sáng tạo và ứng dụng đón đầu xu hướng mới.
- Tập trung nghiên cứu và đã thành công trong việc chế tạo máy sản xuất bao bì nhựa chuyên dụng.

c. Chiến lược tiếp thị khách hàng

- Tìm kiếm khách hàng tiềm năng thông qua tiếp thị trực tiếp và trực tuyến, trong đó nhấn mạnh thông điệp về uy tín thương hiệu, chất lượng và an toàn của sản phẩm.
- Áp dụng song song phương thức B2B và B2C để linh động và tạo nhiều kênh đưa sản phẩm và dịch vụ đến người tiêu dùng.

VI. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2017 tăng trưởng kinh tế đạt 6,81%, vượt chỉ tiêu 6,7% do Quốc hội đề ra, và là mức tăng trưởng cao nhất trong 10 năm qua, theo số liệu công bố của Tổng cục thống kê. Đặc biệt, nền kinh tế Việt nam trong hai quý cuối năm đều ghi nhận mức tăng trưởng trên 7%.

Năm 2017 cũng đánh dấu kỷ lục về tăng trưởng kinh tế, thu hút vốn đầu tư nước ngoài, kim ngạch thương mại hay khách du lịch đến Việt Nam. Lần đầu tiên sau nhiều năm, Việt Nam đạt và vượt toàn bộ 13 chỉ tiêu kinh tế - xã hội trong năm. Tuy nhiên bội chi ngân sách, năng suất lao động thấp, thiên tai vẫn là những thách thức với nền kinh tế.

Năm 2017, công tác quản trị công ty ổn định và đang từng bước phát triển, Ban điều hành đã hoạch định, thực hiện, kiểm tra và cải tiến liên tục việc tiếp cận vốn, thu hút nhân lực và nguồn lực một cách hiệu quả. Năm qua Ban lãnh đạo Công ty đã đưa ra nhiều giải pháp tốt để thúc đẩy sản xuất kinh doanh, mạnh dạn phát triển sản phẩm để đạt được kế hoạch đề ra.

a. Những điểm mạnh

- Đội ngũ lao động trẻ được xây dựng từ những năm trước đã phát huy khả năng, sự năng động và sáng tạo để thay đổi từ cách suy nghĩ đến hoạt động thực tế. Hình thành được đội nhóm lao động kỹ thuật dám nghĩ dám làm, mạnh dạn chế tạo được các máy móc hỗ trợ sản xuất nhựa.
- Tình hình tài chính Công ty luôn lành mạnh và ổn định, không gặp khó khăn về tín dụng và luân chuyển vốn.
- Mạng lưới sản xuất kinh doanh tập trung tại Tp HCM. tạo thuận lợi cho khách hàng giao dịch đồng thời sẵn sàng đến với khách hàng các tỉnh thành mới.
- Phát triển sản phẩm công nghệ truyền thông theo hướng đón đầu và cập nhật tiến bộ của thế giới. Tạo cạnh tranh về nội dung và chất lượng công nghệ riêng.
- Luôn phát triển doanh nghiệp thông qua việc kết hợp sức mạnh nội lực của Công ty với mối liên doanh hợp tác chân thành của các công ty con, công ty liên kết cũng như với các Nhà cung ứng và ngay cả với các Khách hàng.

b. Những điểm yếu

- Chưa phát huy tối đa sức mạnh tập thể, chưa tạo được khối cung ứng – khách hàng ngay trong chính nội bộ công ty mẹ - công ty con và công ty liên kết.
- Các sản phẩm dịch vụ giải trí trong những năm gần đây đã suy giảm mạnh và đi vào thoái trào.
- Vấn đề đào tạo nhân sự tại chỗ chưa được chú trọng và nâng lên tầm cần thiết và cấp bách, đặc biệt là cho cấp quản trị dự án.
- Năng suất lao động chưa đồng đều trên phạm vi các lĩnh vực mặc nhiên đã trở thành rào cản cho việc tích lũy vốn và tăng thu nhập cho toàn bộ các thành viên.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc điều hành Công ty

Trước tình hình của năm 2017, Ban giám đốc điều hành công ty (BGĐĐH) đã mạnh dạn hơn trong việc phát huy sáng tạo để ổn định sản xuất và phát triển thêm nhiều sản phẩm mới đặc biệt là sản phẩm công nghệ ngành truyền thông trên nền tảng ứng dụng mới. Cùng với toàn thể công nhân viên Công ty, Ban giám đốc điều hành đã có một năm hoạt động hoàn thành kế hoạch ĐHCĐ đáng ghi nhận.

- Hoàn toàn chuyển hướng từ doanh nghiệp thuần xuất khẩu thành chủ yếu cung ứng, bán hàng nội địa với tỷ lệ hơn 90%.
- Tăng cường công tác tiếp thị và chào hàng đa dạng phương tiện để tìm kiếm khách hàng lớn và mới cho tất cả các sản phẩm của công ty.
- Với các ngành dịch vụ giải trí, BGĐĐH công ty đã tập trung cho các chiến dịch quảng bá thông qua các kênh truyền thông đa phương tiện kết hợp với nhiều hình thức khuyến mãi liên hoàn để đưa hình ảnh các công nghệ mới đến gần người tiêu dùng giải trí.
- Công ty đã tăng cường các chính sách đãi ngộ cho người lao động trên nền tảng văn hóa doanh nghiệp trong năm 2017 nên đã giảm thiểu được tình hình biến động công nhân đặc biệt là công nhân lao động nhập cư.

Những yêu cầu, thách thức mà thị trường đặt ra cho công ty buộc nhà điều hành phải thực hiện đổi mới để tồn tại và phát triển. Do đó, Hội đồng quản trị tin tưởng rằng, những bước đi vững vàng của ngày hôm nay sẽ là bàn đạp cho sự phát triển mạnh mẽ trong tương lai.

Chỉ tiêu đánh giá hoàn thành kế hoạch	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	So sánh
Lợi nhuận trước thuế	7.000.000.000	7.982.101.278	123%
Lợi nhuận sau thuế	6.000.000.000	7.682.732.707	133%
Chia cổ tức	8%	8%	100%



VII. ĐỊNH HƯỚNG KẾ HOẠCH NĂM 2018

1. Tổng quan về doanh nghiệp, Sứ mạng và các lĩnh vực hoạt động chủ yếu

Trong hoàn cảnh nền kinh tế nói chung diễn biến phức tạp và thay đổi nhanh chóng ALTA đã bước qua chặng đường 5 năm “An toàn phát triển” và tái cấu trúc Doanh nghiệp với quan điểm “Cải cách tăng chất hơn tăng lượng”: Tạm thời ngưng đầu tư phát triển để tích cực chuyển đổi mô hình tổ chức hoạt động kinh doanh từ Công ty hoạt động đa ngành sang các Công ty hoạt động chuyên ngành nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh và hiệu quả đầu tư đồng thời thay đổi phương pháp quản trị - điều hành Doanh nghiệp theo hướng hiện đại “Xem trọng tính chủ động, sáng tạo và hiệu quả trong mọi hoạt động”; Đến nay, Chúng ta đã cơ bản hoàn thành nhiệm vụ này và kết thúc nhiệm kỳ với kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cho thấy ALTA đã sẵn sàng cho một giai đoạn phát triển mới... Hiện nay nền kinh tế Việt Nam đang bước vào chặng đường hội nhập kinh tế quốc tế diễn ra sâu rộng, cam kết hơn về tự do hóa thương mại và đầu tư - kể cả sau đường biên giới - hướng tới các một luật chơi chung yêu cầu chất lượng; đồng thời với một Chính phủ kiến tạo hướng về doanh nghiệp của Nước ta thì đây sẽ là cơ hội để ALTA tiếp cận thị trường và nguồn lực nhưng cũng là thử thách quan trọng để thúc đẩy chuyển hướng nền tảng chiến lược kinh doanh của Công ty.

Phần đầu là một Tổng Công ty luôn nỗ lực hoàn thành trách nhiệm trước Cổ đông, một trong những doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực Dịch vụ kỹ thuật công nghệ cao và phụ trợ - Dịch vụ giải trí công nghệ mới và sản xuất hàng tiêu dùng thân thiện môi trường tích cực đóng góp cho xã hội và góp phần xây dựng Nước nhà thịnh vượng.

Trên cơ sở đó, sứ mệnh của công ty cũng là đem lại những sản phẩm và dịch vụ hữu ích cho xã hội, nơi những nhu cầu trong cuộc sống đạt được sự hài lòng, và phát triển. Tăng trưởng và hạnh phúc của Cổ đông và của cộng đồng công nhân viên chức Công ty là động lực phát triển của Công ty.

Lĩnh vực hoạt động và ngành nghề kinh doanh chính của Công ty sẽ bao gồm:

- Sản xuất và gia công phẩm mềm; cung cấp dịch vụ công nghệ quảng cáo, truyền hình, truyền thông đa phương tiện; tư vấn, khảo sát, thiết kế, lắp đặt màn hình led phục vụ sự kiện và quảng cáo,
- Sản xuất kinh doanh - xuất nhập khẩu vật tư nguyên liệu và sản phẩm nhựa mềm,
- Sản xuất kinh doanh thiết bị điện tử, viễn thông, công nghệ thông tin và tự động,
- Sản xuất kinh doanh dịch vụ in ấn bao bì thương mại chuyên dụng và đa dạng.



2. Định hướng phát triển 2018

Khởi sắc, chuyển biến, tích cực là những đánh giá của các tổ chức quốc tế về tình hình kinh tế toàn cầu năm 2017, sự lạc quan này được thể hiện qua các số liệu cụ thể ở các nền kinh tế lớn như Mỹ, châu Âu hay Nhật Bản. Theo Liên Hợp Quốc, tình hình kinh tế thế giới năm 2018 tiếp tục duy trì đà phát triển ổn định.

Theo đánh giá của nhiều chuyên gia, nền kinh tế Việt Nam sẽ bước sang năm 2018 với những yếu tố thuận lợi nhất định, nhưng thách thức khó khăn là rất lớn. Về mặt thuận lợi, trước hết có thể kể đến dự báo khá lạc quan về tăng trưởng kinh tế và thương mại toàn cầu năm 2018, tạo điều kiện đề thúc đẩy gia tăng xuất khẩu và tăng trưởng kinh tế, nếu Việt Nam tận dụng được cơ hội của các hiệp định thương mại tự do đã được ký kết.

Tuy nhiên nền kinh tế VN chúng ta vẫn còn những khó khăn nội tại như trình độ công nghệ thấp, đất đai, tài nguyên đang dần cạn kiệt trong khi năng suất, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế tuy có chuyển biến nhưng chưa thực sự đột phá. Dự báo lạm phát năm 2018 sẽ chịu áp lực chủ yếu từ việc điều chỉnh tăng giá dịch vụ công và giá thực phẩm; ngoài ra VN chúng ta lại đang đứng trước ngưỡng cửa hội nhập toàn diện với nền thương mại tự do toàn cầu (CTPP) nên chắc chắn sẽ phải chịu những tác động bởi sự thay đổi chính sách thương mại của các Khu vực kinh tế trên thế giới.

Với địa bàn hoạt động chủ yếu ở khu vực TP.HCM và tập trung vào những sản phẩm cốt lõi như in ấn, bao bì, dịch vụ kỹ thuật cao và giải trí thì ALTA có nhiều triển vọng hơn so với toàn thị trường vì đây là khu vực kinh tế năng động nhất cả nước. Năm 2018 mang một ý nghĩa lớn đối với các thành viên ALTA, đó là năm kỷ niệm 20 năm công ty cổ phần hóa.

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 được xây dựng dựa trên các căn cứ từ tình hình thực tế của doanh nghiệp, từ nhận định và phân tích môi trường kinh doanh để nhìn nhận được những điểm yếu, điểm mạnh, cơ hội và thách thức của Công Ty trong thời gian tới. Trên cơ sở đó đề ra định hướng kinh doanh, các chỉ tiêu kế hoạch và biện pháp thực hiện cho hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công Ty nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, mang theo nhiều lợi ích hơn cho các cổ đông và người lao động Công Ty.

a. Xác định vị thế công ty 2018

- Sản phẩm ngành nhựa của công ty là bao bì nhựa tự hủy, bao bì chuyên dùng và sản phẩm nhựa mềm đa năng rất phù hợp nhu cầu thị trường và thân thiện với môi trường. Công ty Nhựa Âu Lạc đã xây dựng được đội ngũ kỹ thuật bước đầu đã chế tạo thành công một số máy chuyên dùng hỗ trợ sản xuất.
- Công ty Alta Media đã trở thành nhà cung cấp uy tín và chuyên nghiệp cho hệ thống thông tin viễn thông và công nghệ lập trình điện tử.

- Alta Media đã thành công khi xây dựng một số dòng sản phẩm mới như hệ thống đèn LED quảng cáo đi kèm với nội dung sáng tạo và tương thích, hiện đứng thứ hai về cho thuê LED có nội dung thích hợp tại Tp. HCM.
- Alta Media cũng là công ty đứng trong top đầu các doanh nghiệp cung cấp phần mềm tương tác và công nghệ mô phỏng chuyển động không gian thực...
- Sản phẩm ngành giải trí là phim đa chiều có hiệu ứng và chuyển động cũng như các trò chơi thể thao điện tử đều mang tính hiện đại và độc quyền đã nhanh chóng tạo ra một nhu cầu hưởng thụ văn hóa mới cho khách hàng và trở thành một điểm mạnh nổi bật các nhà đầu tư giải trí trong cả nước.
- Sản phẩm ngành in của công ty là sản phẩm in bao bì ngành dược và sản phẩm bao bì cao cấp bảo đảm chất lượng tốt và đồng đều ngay cả lô hàng số lượng lớn đặc biệt là Công ty In Âu Lạc đã khẳng định được đẳng cấp và thế đứng vững vàng trong thị trường đầy cạnh tranh của ngành in.
- Công ty cũng hiện đang sản xuất hàng loạt các nhãn hàng khăn giấy và bao bì mang thương hiệu của các tập đoàn thương mại lớn như Metro, Âu Lạc...
- Nguồn bất động sản Công ty sở hữu đang chờ các dự án kích hoạt và kế hoạch triển khai đúng thời cơ và hiệu quả.

b. Cơ hội

- Sản phẩm bao bì nhựa phân hủy sinh học và bao bì nhựa Alta đã được Bộ Tài Nguyên & Môi Trường cấp giấy chứng nhận túi ni lông thân thiện môi trường.
- Công ty Nhựa Âu Lạc đã được Sở Y tế Tp.HCM. xác nhận việc công bố hợp quy của sản phẩm bao bì nhựa tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.
- Sản phẩm bao bì in ấn đặc chủng ngành dược của Công ty In Âu Lạc xây dựng đạt chuẩn phù hợp GMP.
- Các sản phẩm dịch vụ công nghệ truyền thông, quảng bá sự kiện có tính cạnh tranh của Công ty Alta Media cũng sẽ có nhiều cơ hội mới trong năm 2018 do tính chuyên biệt và hiện đại...
- Sự ra đời và lớn mạnh của các tập đoàn bán lẻ mới sẽ trở thành một trong những kênh tiêu thụ thêm vào của sản phẩm Alta.
- Nền tài chính lành mạnh, sẵn sàng đáp ứng nhu cầu vốn cho các dự án sản phẩm và dịch vụ mới.

c. Những thách thức

- Mức sụt giảm của kim ngạch trong những năm qua do một số nhà phân phối đã bị mất khách hàng truyền thống đang và sẽ làm cho doanh nghiệp phải mất nhiều công sức để tạo dựng thị trường xuất khẩu mới.
- Năng lực cạnh tranh gia tăng do sức mua giảm, các loại chi phí đầu vào tiếp tục tăng trong năm 2018, công nghệ mới tự động hóa chưa được đầu tư đủ, công nhân lao động năng suất chưa cao, kỹ năng quản trị cấp quản trị trung gian còn yếu... sẽ là những yếu tố phải quan tâm hàng đầu của Ban Điều hành.
- Hệ thống giải trí của công ty tại các tụ điểm du lịch sẽ gặp khó khăn vì khách hàng trẻ tuổi hiện nay đã có quá nhiều mảng giải trí bao gồm cả thực và ảo.
- Một số mặt bằng đang kinh doanh của công ty sẽ phải bị cắt giảm diện tích do nằm trên qui hoạch của các dự án cấp quốc gia như tuyến metro số 2, số 5...



d. Mục tiêu năm 2018

3. Tối ưu hóa hoạt động sản xuất kinh doanh theo hướng phát triển bền vững và bảo đảm hiệu quả trong năm 2018.
4. Bảo đảm mức chi trả cổ tức cho cổ đông và chú trọng nâng cao thu nhập cho người lao động.
5. Đầu tư vào các hoạt động nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới và chuyên dụng.
6. Đưa việc tăng năng suất lên tầm quan trọng hàng đầu trong công tác quản trị.
7. Thiết lập các dự án đầu tư phát triển Công ty giai đoạn 2018-2022 bao gồm :
 - + Dự án Công ty Alta Media đầu tư hoạt động vào Khu Công nghệ cao TP.Hồ Chí Minh,
 - + Dự án Đầu tư Xây dựng Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng và Phát triển Công nghệ 4.0 tại 86/33 Âu Cơ Phường 9, Quận Tân Bình.
 - + Dự án Xây dựng và hoạt động khai thác các căn hộ Mini cấp trung cho thuê tại các BĐS hiện hữu của Công ty.

8. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 và các giải pháp

- Tiếp tục phát triển và nâng cao tỉ trọng ngành truyền thông và công nghệ thông tin.
- Tái cơ cấu ngành nhựa và ngành bao bì với định hướng chuyên môn hoá từng lĩnh vực từng bước thận trọng phát triển lĩnh vực cơ khí hóa, tự động hóa.
- Tập trung phát triển kinh doanh các sản phẩm truyền thống của công ty. Thực hiện chính sách bán hàng linh hoạt và cạnh tranh phù hợp với từng đối tượng khách hàng. Tuy nhiên, ưu tiên hàng đầu đối với các giao dịch mua bán bảo đảm an toàn trong thanh toán.
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tiếp thị để phát triển, thâm nhập sâu hơn thị trường có sẵn và mở rộng thị trường ở các tỉnh lân cận. Trong đó, tập trung vào các đối tượng là khách hàng lớn và người tiêu dùng trên cơ sở tiêu thụ những sản phẩm chuyên dụng và đa năng.
- Tăng cường công tác quản lý nội bộ, kiểm tra giá thành và định mức nhằm kiểm soát chi phí, tiết kiệm tối đa chi phí đầu vào để giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm để tăng tính cạnh tranh về giá trên thị trường.
- Đối với công ty con:
 - + Xây dựng ALTA MEDIA trở thành đơn vị hàng đầu cho các giải pháp công nghệ cao cho lĩnh vực giải trí và truyền thông, là đơn vị hàng đầu của cả nước trong ngành Thị giác máy tính (Computing vision) và Trí tuệ nhân tạo (AL).

- + Xây dựng ALTA SOFTWARE trở thành đơn vị chuyên thiết kế lập trình tương tác, phát triển phần mềm cơ khí tự động, phần mềm công nghệ giải trí... phục vụ trực tiếp cho các ngành sản xuất kinh doanh chính của toàn công ty.
- + Xây dựng ALTA PLASTIC trở thành đơn vị có uy tín về bao bì màng mềm, và các sản phẩm in cho màng đơn. Phát triển nhãn hàng túi rác riêng, trở thành đơn vị cung cấp mặt hàng túi rác có uy tín và thương hiệu trên thị trường. Là đơn vị dẫn đầu trong các mặt hàng túi có hương và bao bì khổ lớn từ 1.5m – 3m. Bước đầu xây dựng đội ngũ kỹ thuật chế tạo máy chuyên dùng ngành nhựa.

a. Ổn định và phát triển sản xuất kinh doanh:

- Mạnh dạn đầu tư cho công tác nghiên cứu và phát triển. Chú trọng đầu tư chiều sâu cho các sản phẩm chủ lực của công ty trên cơ sở tạo khác biệt và chất lượng cao. Đầu tư nghiên cứu và phát triển để sản xuất các sản phẩm có giá trị gia tăng cao, đón đầu xu hướng mới của thị trường về các sản phẩm nhựa sinh học, các sản phẩm an toàn, thân thiện với môi trường.
- Ứng dụng các kết quả nghiên cứu phát triển các sản phẩm công nghệ vào trong hoạt động sản xuất của các công ty thành viên đặc biệt là các ứng dụng trí tuệ nhân tạo và các ứng dụng robotic vào trong sản xuất kinh doanh.
- Đầu tư chuyên sâu phát triển các giải pháp công nghệ thông tin thuộc lĩnh vực giải trí, bán lẻ, sản xuất để phục vụ cho các công ty thành viên trong giai đoạn mới.
- Thực hiện chính sách khuyến khích sáng tạo, tạo điều kiện và thúc đẩy sáng kiến của người lao động để cải tiến quy trình sản xuất tinh gọn và hiệu quả hơn.
- Xây dựng các Đề án phát triển các sản phẩm hàng hóa công nghệ mới.
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tiếp thị trọng điểm, tìm sản lượng lớn, khách hàng nhiều tiềm năng qua việc tăng cường quảng bá thương hiệu theo hai hướng từ bên ngoài thị trường và chính từ bên trong chất lượng sản phẩm cũng như lợi ích nhận được của người tiêu dùng.

b. Quản trị đầu tư và tài chính

- Xây dựng cơ cấu cổ đông hợp lý, tăng cường sự tham gia của cổ đông.
- Kiểm soát mối quan hệ vốn đầu tư và chi phí tài chính trên cơ sở hiệu quả sau cùng.
- Tôn trọng truyền thống và văn hóa các doanh nghiệp đối tác.
- Cam kết cao nhất về chất lượng sản phẩm và dịch vụ hậu mãi với những giá trị gia tăng thực sự.
- Sẵn sàng mời gọi các Nhà Cung ứng, các Khách hàng trở thành những bạn hàng và những đối tác chiến lược tiềm năng.
- Tăng cường công tác kiểm soát nội bộ, kiểm tra giá thành và định mức. Bảo đảm an toàn trong thanh toán.
- Liên tục phân tích tình hình đầu tư vào từng công ty con, công ty liên doanh liên kết. Trên cơ sở kết quả hoạt động qua các năm, khảo sát thị trường về xu hướng sắp tới và tình hình tài chính của từng đơn vị, Ban Giám đốc điều hành có quyết định tăng cường khai thác, đầu tư ở lĩnh vực nào sao cho đạt hiệu suất sử dụng vốn cao nhất.
- Xem xét lại việc sử dụng bất động sản của Công ty sao cho hiệu quả với vị trí, chức năng, và quy mô hoạt động.
- Đầu tư chiều sâu nhằm nâng cao năng lực hoạt động cho Công ty Alta Plastic. Mở rộng thêm ngành chế tạo máy chuyên dụng ngành nhựa.

- Đầu tư vốn vào Công ty Alta Media và Alta Software nhằm tạo lĩnh vực kinh doanh mới với mục tiêu trở thành là Đơn vị nòng cốt chuyển hóa chiến lược kinh doanh của ALTA phát triển trên nền tảng của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 (4.0) đang diễn ra trên toàn cầu.

c. Quản trị nhân sự và điều hành

- Tiếp tục triển khai và hoàn thiện hệ thống công cụ quản lý KPI đã đưa vào thực hiện.
- Xây dựng và phát huy môi trường làm việc thân thiện, có bản sắc văn hóa riêng, tạo phong cách làm việc theo nhóm để phát huy sức mạnh chung.
- Thiết lập hệ thống quản trị trên cơ sở sử dụng công nghệ thông tin hiện đại và thân thiện.
- Đầu tư hệ thống quản lý theo cơ chế tự động và áp dụng công nghệ thông tin, đổi mới và áp dụng phương pháp quản trị hiện đại quản trị theo số liệu và quản trị theo KPI.
- Tiếp tục phát triển và kiện toàn bộ máy vận doanh, áp dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo vào quản lý để tạo ra hệ thống quản trị đồng nhất và nhất quán.
- Tăng cường đào tạo các thành viên về sự nhận thức, lòng nhiệt huyết, sự hiểu biết chuyên môn, tay nghề và khả năng hành động nhằm tạo dựng một đội ngũ nhân sự chất lượng cao.
- Ban hành các cơ chế lương thưởng kinh doanh và KPI theo năng suất, theo kết quả kinh doanh
- Huấn luyện và đào tạo đội ngũ thường xuyên
- Mạnh dạn trẻ hóa đội ngũ lao động của công ty bằng cách giảm độ tuổi trung bình và áp dụng tuyển dụng theo tuổi, phối hợp với nhà trường để đào tạo nhân sự ngay trong ghế nhà trường đồng thời khuyến khích mô hình làm việc theo nhóm chuyên môn hoặc tổng hợp.
- Quy tụ những thành viên nhiều kinh nghiệm tiếp tục cộng tác với vai trò tư vấn truyền giao kinh nghiệm và giới thiệu khách hàng thân quen.
- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp trên cơ sở các hoạt động thiết thực hơn liên quan đến kỳ vọng của cá nhân và ban điều hành.

d. Quản trị rủi ro

- Dự báo và hạn chế rủi ro, dự phòng tốt biến thử thách thành cơ hội.
- Kiểm soát chặt chẽ dự án từ giai đoạn thành lập, tiến độ xây dựng, hoạt động và hiệu quả định kỳ.
- Xác định vòng đời sản phẩm nhằm có kế hoạch phát triển sản phẩm mới khi sản phẩm truyền thống đi vào thoái trào.

e. Các chỉ tiêu tài chính 2018

Đơn vị : VNĐ

Chỉ tiêu đánh giá kế hoạch	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018
Lợi nhuận trước thuế	7.982.101.278	8.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế	7.682.732.707	7.000.000.000
Chia cổ tức	8%	8%



VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng Quản trị

a. Thành viên HĐQT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Hoàng Văn Điều	Chủ tịch	Không điều hành
2	Lại Thị Hồng Điệp	Phó Chủ tịch	Kiểm Phó Tổng giám đốc
3	La Thế Nhân	Thành viên	Không điều hành
4	Nguyễn Minh Tuấn	Thành viên	Không điều hành
5	Hoàng Minh Anh Tú	Thành viên	Tổng giám đốc

b. Các tiểu ban thuộc HĐQT

Với quy mô hiện tại, Hội đồng quản trị Công ty không thành lập các tiểu ban, mỗi thành viên Hội đồng quản trị sẽ chuyên trách một mảng hoạt động theo phân công của Hội đồng quản trị theo từng thời kỳ.

c. Hoạt động của HĐQT

Trong năm HĐQT có 05 cuộc họp định kỳ và 06 cuộc họp theo yêu cầu phát sinh trong hoạt động kinh doanh.

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	HOÀNG VĂN ĐIỀU (Chủ tịch)	11/11	100%
2	LẠI THỊ HỒNG ĐIỆP (Phó Chủ tịch)	11/11	100%
3	LA THẾ NHÂN (Thành viên)	11/11	100%
4	NGUYỄN MINH TUẤN (Thành viên)	11/11	100%
5	HOÀNG MINH ANH TÚ (Thành viên)	11/11	100%

Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị:

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
01	01/03/NQHĐQT/2017	06/03/2017	V/v tổ chức ĐHCĐ năm 2017
02	02/04/NQHĐQT/2017	17/04/2017	Phiên họp đầu tiên của HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022
03	01/06/NQHĐQT/2017	30/06/2017	V/v tăng vốn điều lệ cho công ty ALTA MEDIA
04	01/07/NQHĐQT/2017	04/07/2017	V/v Lựa chọn đơn vị thực hiện việc soát xét BC tài chính bán niên và kiểm toán BCTC năm 2017 của Cty CP VH Tân Bình.

d. Đào tạo về quản trị công ty:

- Tham dự Hội thảo “Một số lưu ý khi lập, trình bày, và kiểm toán báo cáo tài chính của công ty đại chúng” do UBCK NN tổ chức ngày 10/02/2017 tại TP.HCM.
- Tham dự “ Hội nghị tập huấn năm 2017 cho các Tổ chức phát hành đăng ký chứng khoán tại VSD” do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt nam tổ chức ngày 06/10/2017 tại TP. HCM.
- Tham dự “ Hội nghị Doanh nghiệp thường niên 2017” do Sở Giao dịch chứng khoán Hà nội tổ chức ngày 17/11/2017 tại Quy Nhơn.

e. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám Đốc

- Hàng quý xem xét báo cáo điều hành và báo cáo tài chính của BGD công ty.
- Rà soát việc thực thi chiến lược của BGD.
- Truyền đạt những yêu cầu và mong đợi của HĐQT cho kỳ kinh doanh tới.
- Kiểm chứng lại mức độ chính xác của các thông tin mà BGD cung cấp.
- Dự báo rủi ro có thể xảy ra và yêu cầu BGD có biện pháp phòng chống cụ thể.
- Kiểm tra các hoạt động Kiểm soát nội bộ.

f. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

- Các thành viên HĐQT không điều hành cùng tham gia các phiên họp định kỳ bất thường và thực thi trách nhiệm của mình cùng với các TVHĐQT khác.

2. Ban Kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Thái Thị Phương	Trưởng Ban
2	Lê Quốc Thắng	Thành viên
3	Quách Thị Mai Trang	Thành viên

b. Hoạt động của Ban Kiểm soát

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
01	Bà THÁI THỊ PHƯỢNG	Trưởng ban	4/4	100%
02	Bà QUÁCH THỊ MAI TRANG	Phó ban	4/4	100%
01	Ông LÊ QUỐC THẮNG	Thành viên	4/4	100%

- Hoạt động của Ban kiểm soát tuân theo quy định về quyền và nghĩa vụ của mình tại Điều lệ Công ty, quy chế quản trị Công ty, Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.
- Trong năm 2017, Ban Kiểm soát tiến hành các cuộc họp định kỳ vào hàng quý để đánh giá tình hình tài chính, hoạt động của HĐQT, Ban giám đốc điều hành và sự phối hợp giữa các bộ phận này. Trong trường hợp đặc biệt và khẩn cấp, BKS tổ chức các cuộc họp bất thường để thống nhất kịp thời về phương án giải quyết vấn đề nảy sinh. BKS tham gia vào các cuộc họp của HĐQT và góp ý kiến của mình theo nguyên tắc trình tự của cuộc họp.

c. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông:

- Giám sát việc thực hiện các chế độ báo cáo thống kê, khai thuế hàng tháng, báo cáo tài chính.
- Kiểm tra và xác nhận Báo cáo Tài chính 2017 phù hợp với chuẩn mực kế toán và chế độ Kế toán doanh nghiệp hiện hành.

d. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

- Phối hợp với HĐQT-BGD-Các cán bộ quản lý về việc xây dựng và thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh.
- Góp ý hoàn thiện việc báo cáo định kỳ của các đơn vị trực thuộc.

3. Lương, thưởng, thù lao và các lợi ích của HĐQT, BGDĐH và BKS

a. Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích

- Lương thưởng và thù lao của HĐQT, BGDĐH và BKS thực hiện theo quy chế lương thưởng, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm và các quy chế về đánh giá hoạt động khác.
- Trong năm 2017, tổng thù lao HĐQT nhận được là 300 triệu đồng và tổng thù lao Ban kiểm soát nhận được là 60 triệu đồng. Ban giám đốc điều hành nhận lương theo quy chế lương và thỏa thuận lao động với Công ty.

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Trong năm các thành viên HĐQT không thực hiện mua/bán cổ phiếu.

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Không phát sinh

4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu và tình hình cổ phiếu ALT

Căn cứ Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán ALT chốt sổ ngày 28/3/2018 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt nam

a. Cổ phần

Vốn điều lệ:	61.725.230.000 đồng
Số lượng cổ phiếu đã phát hành:	6.172.523 cổ phiếu
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phiếu
- Cổ phiếu thường:	6.172.523 cổ phiếu
- Cổ phiếu ưu đãi:	0 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	5.736.709 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu quỹ:	435.814 cổ phiếu

b. Cơ cấu cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu / VĐL
I	Cổ đông trong nước	472	5.958.583	96,53%
	Cổ đông nhà nước	1	760.211	12,32%
	Cổ đông tổ chức	25	1.947.037	31,54%
	Cổ đông cá nhân	445	2.815.521	45,61%
	Cổ phiếu quỹ	1	435.814	7,06%
II	Cổ đông nước ngoài	32	213.940	3,47%
	Cổ đông tổ chức	4	21.472	0,35%
	Cổ đông cá nhân	28	192.468	3,12%
	Tổng cộng	504	6.172.523	100,00%

c. Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên cổ đông	Số lượng (cổ phiếu)	Tỷ lệ/CPBQ
1	Công ty Cổ Phần Địa ốc A.C.B	1.051.244	18.32%
2	Tổng Công Ty LIKSIN	760.211	13.25%
3	Hoàng Văn Điều	578.860	10.09%
5	Lại thị Hồng Diệp	355.863	6.20%
6	La Thế Nhân	295.550	5,15%
	Tổng cộng	3.041.728	53,02%

d. Quan hệ cổ đông

Để việc công bố thông tin đến với cổ đông đầy đủ, chính xác, kịp thời, Công ty đã có quy trình về Công bố thông tin nội bộ, hướng dẫn từng bộ phận, cá nhân có liên quan về trình tự và thời gian thực hiện. Ngoài ra, để đảm bảo thông tin đến với cổ đông nhanh chóng, hiệu quả và đúng theo quy định, Công ty đã liên kết với đơn vị tư vấn chuyên môn để đưa ra ý kiến tham khảo. Công tác này không những nhằm tăng sự tương tác giữa công ty và các cổ đông mà còn đối với các nhà đầu tư tiềm năng, tạo sự minh bạch trong hoạt động, gây dựng sự tin tưởng của khách hàng, đối tác.



- **Cổ phiếu ALT**

Giá trị sổ sách của cổ phiếu ALT tại thời điểm báo cáo

+	Vốn điều lệ	61.725.230.000 đồng
+	Thặng dư vốn cổ phần	137.662.054.443 đồng
+	Cổ phiếu ngân quỹ	(11,666,581,607) đồng
+	Quỹ đầu tư phát triển	2.243.857.861 đồng
+	Vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu	2.140.945.047 đồng
+	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối:	16.876.130.938 đồng
+	Tổng cộng	208.981.636.682 đồng

Giá trị sổ sách 01 cổ phiếu 31/12/2017 **33.857 đồng**

- **Thị giá của cổ phiếu ALT**

Thị giá cổ phiếu ALT trong năm 2017 có mức thấp nhất là 11.442 đồng (17/01/2017) và mức cao nhất là 16.209 đồng (31/03/2017) và đến ngày 29/12/2017 là 15.000 đồng - bằng 41,18% giá trị sổ sách cuối năm 2017.

Hiện nay với giá trị sổ sách là 33.857 đồng, cổ phiếu ALT vẫn là một trong những cổ phiếu có giá trị sổ sách cao niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà nội.

- **Biểu đồ giá cổ phiếu ALT trong năm 2017**



(trích từ trang web- FPTSS)

e. Việc thực hiện các quy định về quản trị của Công ty

Việc quản trị Công ty được tuân thủ theo quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế Quản trị công ty.

Trong năm Công ty đã có những thay đổi để tăng cường hiệu quả quản trị Công ty:

- Phát triển mạnh công tác kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT.
- Xây dựng và áp dụng KPI cho việc đánh giá nhân sự khối văn phòng và kinh doanh dịch vụ.
- Xây dựng lại Quy chế quản trị Công ty theo hướng dẫn của Thông tư 95/2017/TT- BTC.

IX. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Điều hành	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06-36
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11-36

CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Nghị định số 28/CP ngày 07 tháng 05 năm 1996 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần và Quyết định số 3336/QĐ-UB-KT ngày 26 tháng 06 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố giá trị doanh nghiệp của Công ty Văn hóa Dịch vụ Tổng hợp Tân Bình và chuyển thành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0301420079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 08 năm 1998, đăng ký thay đổi lần thứ 35 ngày 25 tháng 12 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Văn Điều	Chủ tịch	
Bà Lại Thị Hồng Điệp	Phó Chủ tịch	
Ông La Thế Nhân	Ủy viên	
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 14/04/2017
Ông Trần Quý Tài	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 14/04/2017
Ông Hoàng Minh Anh Tú	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Điều hành đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Minh Anh Tú	Tổng Giám đốc điều hành
Ông Hoàng Minh Anh Tài	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lại Thị Hồng Điệp	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Huệ	Giám đốc Chất lượng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Thái Thị Phương	Trưởng ban
Bà Quách Thị Mai Trang	Thành viên
Ông Lê Quốc Thắng	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Điều hành Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất ;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Điều hành Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Điều hành cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Điều hành



Hoàng Minh Anh Tú

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2018



Số: 300318.006 /BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành
Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình được lập ngày 10 tháng 03 năm 2018, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



A blue ink signature of Trương Thị Hoài Anh.

Vũ Xuân Biên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Trương Thị Hoài Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2446-2018-002-1

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		120.111.424.249	112.729.841.154
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	29.578.486.222	32.386.135.209
111 1. Tiền		16.078.486.222	22.886.135.209
112 2. Các khoản tương đương tiền		13.500.000.000	9.500.000.000
120 II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	31.310.250.000	21.700.000.000
123 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		31.310.250.000	21.700.000.000
130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn		30.129.308.670	24.080.213.617
131 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	24.816.245.943	18.746.312.671
132 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	764.047.992	893.476.454
135 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	3.300.000.000	4.000.000.000
136 4. Phải thu ngắn hạn khác	8	1.319.926.278	466.424.492
137 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(70.911.543)	(26.000.000)
140 IV. Hàng tồn kho	10	28.312.303.468	33.705.203.336
141 1. Hàng tồn kho		28.312.303.468	33.705.203.336
150 V. Tài sản ngắn hạn khác		781.075.889	858.288.992
151 1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15	780.820.937	858.034.040
153 2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	254.952	254.952
200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN		108.208.417.145	111.874.282.467
210 I. Các khoản phải thu dài hạn		2.586.499.746	86.500.000
215 1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	2.500.000.000	-
216 2. Phải thu dài hạn khác	8	86.499.746	86.500.000
220 II. Tài sản cố định		41.452.285.780	46.378.818.093
221 1. Tài sản cố định hữu hình	12	37.044.678.317	41.759.418.994
222 - Nguyên giá		146.739.878.836	144.710.208.961
223 - Giá trị hao mòn lũy kế		(109.695.200.519)	(102.950.789.967)
227 2. Tài sản cố định vô hình	13	4.407.607.463	4.619.399.099
228 - Nguyên giá		7.028.980.397	7.126.480.397
229 - Giá trị hao mòn lũy kế		(2.621.372.934)	(2.507.081.298)
230 III. Bất động sản đầu tư	14	31.158.906.351	33.081.579.879
231 - Nguyên giá		52.456.972.189	52.456.972.189
232 - Giá trị hao mòn lũy kế		(21.298.065.838)	(19.375.392.310)
240 IV. Tài sản dở dang dài hạn	11	4.624.064.357	2.403.498.771
242 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		4.624.064.357	2.403.498.771
250 V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	16.002.320.732	14.037.210.931
252 1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		15.879.991.532	13.914.881.731
253 2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		122.329.200	122.329.200
260 VI. Tài sản dài hạn khác		12.384.340.179	15.886.674.793
261 1. Chi phí trả trước dài hạn	15	12.384.340.179	15.886.674.793
270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN		228.319.841.394	224.604.123.621

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		19.338.204.712	18.893.028.533
310	I. Nợ ngắn hạn		18.788.204.712	18.893.028.533
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	7.403.610.525	5.819.810.342
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	863.115.391	1.604.385.167
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	1.729.633.688	1.744.305.585
314	4. Phải trả người lao động		1.931.585.093	2.941.291.000
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	19	2.884.722.672	3.121.812.834
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	3.017.755.741	3.598.869.400
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		957.781.602	62.554.205
330	II. Nợ dài hạn		550.000.000	-
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	550.000.000	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		208.981.636.682	205.711.095.088
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	208.981.636.682	205.711.095.088
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		61.725.230.000	61.725.230.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		61.725.230.000	61.725.230.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		137.662.054.443	137.662.054.443
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		2.140.945.047	2.140.945.047
415	4. Cổ phiếu quỹ		(11.666.581.607)	(11.666.581.607)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		2.243.857.861	1.758.775.074
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		16.876.130.938	14.090.672.131
421a	LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước		9.193.398.231	8.294.751.504
421b	LNST chưa phân phối năm nay		7.682.732.707	5.795.920.627
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		228.319.841.394	224.604.123.621


Nguyễn Thị Ngọc Duyên
Người lập

Nguyễn Thị Xuân
Kế toán trưởng

Hoàng Minh Anh Tú
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	144.649.067.123	129.178.483.544
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23	59.357.139	73.499.927
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		144.589.709.984	129.104.983.617
11	4. Giá vốn hàng bán	24	126.520.963.711	108.867.735.748
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		18.068.746.273	20.237.247.869
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	3.600.893.999	2.541.895.046
22	7. Chi phí tài chính	26	329.705.613	533.619.400
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		72.212.349	156.359.305
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		1.965.109.801	1.780.611.055
25	9. Chi phí bán hàng	27	5.029.290.178	4.281.767.248
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	10.591.297.108	13.055.646.460
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		7.684.457.174	6.688.720.862
31	12. Thu nhập khác	29	494.552.703	60.514.222
32	13. Chi phí khác	30	196.908.599	248.167.891
40	14. Lợi nhuận khác		297.644.104	(187.653.669)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		7.982.101.278	6.501.067.193
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	299.368.571	705.146.566
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		7.682.732.707	5.795.920.627
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		7.682.732.707	5.795.920.627
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		-	-
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	1.339	1.010

Nguyễn Thị Ngọc Duyên
 Người lập

Nguyễn Thị Xuân
 Kế toán trưởng



Hoàng Minh Anh Tú
 Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		7.982.101.278	6.501.067.193
	1. Điều chỉnh cho các khoản			
2	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		11.193.280.811	12.075.838.827
3	- Các khoản dự phòng		44.911.543	26.000.000
	I. - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ			
1.	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(5.392.829.090)	(4.133.834.936)
06	- Chi phí lãi vay		72.212.349	156.359.305
8	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		13.900.132.455	14.643.940.384
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(5.880.419.692)	3.254.944.514
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		5.392.899.868	9.085.670.518
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(256.814.623)	(4.033.159.575)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		3.579.547.717	(118.616.403)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(53.006.669)	(156.359.305)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(481.600.087)	(640.143.929)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(74.938.176)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		16.125.800.793	22.036.276.204
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(7.495.274.448)	(10.006.573.279)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		805.550.000	87.727.273
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(37.110.250.000)	(28.400.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		25.700.000.000	15.200.000.000
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	2.923.300.354
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.639.216.531	1.999.913.478
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(15.460.757.917)	(18.195.632.174)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
III	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		19.571.967.507	7.491.490.523
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(19.603.081.166)	(19.210.344.554)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(3.441.122.640)	(3.421.008.600)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(3.472.236.299)	(15.139.862.631)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(2.807.193.423)	(11.299.218.601)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		32.386.135.209	43.684.818.983
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(455.564)	534.827
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	29.578.486.222	32.386.135.209

Nguyễn Thị Ngọc Duyên
Người lập

Nguyễn Thị Xuân
Kế toán trưởng



Hoàng Minh Anh Tú
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Nghị định số 28/CP ngày 07 tháng 05 năm 1996 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần và Quyết định số 3336/QĐ-UB-KT ngày 26 tháng 06 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố giá trị doanh nghiệp của Công ty Văn hóa Dịch vụ Tổng hợp Tân Bình và chuyển thành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0301420079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 08 năm 1998, đăng ký thay đổi lần thứ 35 ngày 25 tháng 12 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 61.725.320.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 61.725.230.000 đồng; tương đương 6.172.523 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trên các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu bao bì và cung ứng dịch vụ công nghệ thông tin.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Sản xuất ngành in, ngành bao bì giấy, ngành bao bì nhựa, ngành khăn giấy;
- Sản xuất ngành hóa chất nhựa, hạt nhựa màu;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Sản xuất băng đĩa nhạc;
- Kinh doanh thương mại, dịch vụ.

Cấu trúc Tập đoàn

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2017 bao gồm:

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền Thông Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Công nghệ và truyền thông
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Sản xuất và dịch vụ

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

- Công ty có 01 công ty liên kết được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2017 bao gồm:

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	47,00%	47,00%	Sản xuất và dịch vụ

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

2.4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chỉ phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

2.7. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết mua trong kỳ bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh” và “Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết”. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư;
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

2.10. Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm
- Quyền sử dụng đất	20 - 50 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
--------------------------	-------------

2.11. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13. Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

2.15. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.16. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất có liên quan.

2.17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.18. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.19. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

2.20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.21. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Tiền mặt	7.949.658.055	10.888.238.784
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.128.828.167	11.997.896.425
Các khoản tương đương tiền	13.500.000.000	9.500.000.000
	<u>29.578.486.222</u>	<u>32.386.135.209</u>

Tại ngày 31/12/2017, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng có giá trị 13.500.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,6%/năm đến 5,0%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư ngắn hạn	31.310.250.000	31.310.250.000	21.700.000.000	21.700.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	31.310.250.000	31.310.250.000	21.700.000.000	21.700.000.000
	31.310.250.000	31.310.250.000	21.700.000.000	21.700.000.000

Tại 31/12/2017, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn từ 06 đến 12 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5,3%/năm đến 7,2%/năm.

b) Đầu tư góp vốn vào Công ty liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc với tỷ lệ lợi ích và biểu quyết là 47%. Giá gốc của khoản đầu tư không thay đổi tại ngày đầu năm và cuối năm là 4.700.000.000 đồng. Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu của khoản đầu tư tại ngày đầu năm và cuối năm lần lượt là 13.914.881.731 đồng và 15.879.991.532 đồng.

Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc có địa chỉ tại Thành phố Hồ Chí Minh và hoạt động kinh doanh chính trong lĩnh vực in ấn.

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào đơn vị khác	122.329.200	-	122.329.200	-
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dược phẩm Đồng Nai	62.829.200	-	62.829.200	-
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Giấy Lệ Hoa	59.500.000	-	59.500.000	-
	122.329.200	-	122.329.200	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty TNHH Thương mại Quốc tế Việt An	1.680.283.990	542.048.595
- Công ty TNHH Truyền hình Cấp SAIGONTOURIST	1.406.868.650	-
- Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)	2.464.273.257	3.516.136.080
- Các khoản phải thu khách hàng khác	19.264.820.046	14.688.127.996
	24.816.245.943	18.746.312.671
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan	404.226.281	401.990.472
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37.		

6. TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
24/7 Media BV	172.809.000	-	172.809.000	-
Trả trước cho người bán khác	591.238.992	-	720.667.454	-
	764.047.992	-	893.476.454	-

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Ông Phạm Đức Minh	-	-	4.000.000.000	-
Bà Trần Thị Huệ ⁽¹⁾	3.000.000.000	-	-	-
Bà Nguyễn Thị Xuân ⁽²⁾	300.000.000	-	-	-
	3.300.000.000	-	4.000.000.000	-
b) Dài hạn				
Công Ty Cổ Phần In Thương Mại Quảng Cáo Âu Lạc ⁽³⁾	2.500.000.000	-	-	-
	2.500.000.000	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản cho vay ngắn hạn:

- (1) Hợp đồng vay vốn được ký kết giữa Công ty và Bà Trần Thị Huệ với các điều khoản chi tiết sau:
- + Tổng số tiền cho vay: 3.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Mua nhà;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 03 tháng kể từ ngày nhận tiền;
 - + Lãi suất cho vay: 5,3%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 3.000.000.000 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: tín chấp.
- (2) Hợp đồng vay vốn được ký kết giữa Công ty và Bà Nguyễn Thị Xuân với các điều khoản chi tiết sau:
- + Tổng số tiền cho vay: 1.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Mua nhà;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 03 tháng kể từ ngày nhận tiền;
 - + Lãi suất cho vay: 5,3%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 300.000.000 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: tín chấp.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

- (3) Bao gồm các hợp đồng vay vốn được ký kết giữa Công ty và Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu
- + Tổng số tiền cho vay: 5.500.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Đầu tư kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 5 năm kể từ ngày nhận tiền;
 - + Lãi suất cho vay: 7,75%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 2.500.000.000 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: tín chấp.

8. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	804.957.895	-	-	-
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	425.276.255	-	316.647.500	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	91.640	-	1.259.775	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	-	-	223.200	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	-	-	99.200	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	85.000.000	-
Phải thu khác	89.600.488	-	63.194.817	-
	1.319.926.278	-	466.424.492	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	86.499.746	-	86.500.000	-
	86.499.746	-	86.500.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

9. NỢ XẤU

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Xuất nhập khẩu Tân Đình Phong	26.000.000	-	26.000.000	-
- Công Ty Cổ Phần Mỹ Thuật Sen Việt	44.911.543	-	44.911.543	44.911.543
	70.911.543	-	70.911.543	44.911.543

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	12.589.475.513	-	20.591.912.043	-
Công cụ, dụng cụ	1.542.914.911	-	1.559.410.563	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở đang	1.687.163.387	-	1.482.459.188	-
Thành phẩm	11.017.884.056	-	8.071.648.653	-
Hàng hoá	1.474.865.601	-	1.999.772.889	-
	28.312.303.468	-	33.705.203.336	-

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Mua sắm tài sản cố định	4.554.197.897	2.403.498.771
- Mua sắm căn hộ (*)	4.554.197.897	2.403.498.771
Sửa chữa lớn tài sản cố định	69.866.460	-
- Chi phí sửa chữa nhà máy	69.866.460	-
	4.624.064.357	2.403.498.771

(*) Công ty đang đóng tiền theo tiến độ để mua 2 căn hộ cao cấp của dự án Golden Mansion tại số 119 Phố Quang, Phường 9, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh với mục đích cho chuyên gia nước ngoài thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

12. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	27.964.772.896	103.976.051.004	10.652.277.499	1.914.186.217	202.921.345	144.710.208.961
- Mua trong năm	-	1.652.080.328	616.363.636	492.908.847	-	2.761.352.811
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.888.198.466	625.157.585	-	-	-	2.513.356.051
- Thanh lý, nhượng bán	(1.142.316.799)	(2.067.318.552)	-	(35.403.636)	-	(3.245.038.987)
Số dư cuối năm	28.710.654.563	104.185.970.365	11.268.641.135	2.371.691.428	202.921.345	146.739.878.836
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	17.363.524.006	77.297.917.523	7.099.576.412	1.017.918.870	171.853.156	102.950.789.967
- Khấu hao trong năm	1.498.907.750	6.088.894.888	916.828.129	549.757.460	4.427.420	9.058.815.647
- Thanh lý, nhượng bán	(927.036.179)	(1.351.965.280)	-	(35.403.636)	-	(2.314.405.095)
Số dư cuối năm	17.935.395.577	82.034.847.131	8.016.404.541	1.532.272.694	176.280.576	109.695.200.519
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	10.601.248.890	26.678.133.481	3.552.701.087	896.267.347	31.068.189	41.759.418.994
Tại ngày cuối năm	10.775.258.986	22.151.123.234	3.252.236.594	839.418.734	26.640.769	37.044.678.317

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 15.538.605.679 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	6.237.885.093	888.595.304	7.126.480.397
- Thanh lý, nhượng bán	-	(97.500.000)	(97.500.000)
Số dư cuối năm	6.237.885.093	791.095.304	7.028.980.397
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.680.867.214	826.214.084	2.507.081.298
- Khấu hao trong năm	149.410.416	62.381.220	211.791.636
- Thanh lý, nhượng bán	-	(97.500.000)	(97.500.000)
Số dư cuối năm	1.830.277.630	791.095.304	2.621.372.934
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	4.557.017.879	62.381.220	4.619.399.099
Tại ngày cuối năm	4.407.607.463	-	4.407.607.463

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư của Công ty là Nhà cửa vật kiến trúc của tòa nhà Alta Plaza có địa chỉ tại đường Phạm Văn Hai, Phường 3, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, được sử dụng với mục đích cho thuê với nguyên giá là 52.456.972.189 đồng, giá trị hao mòn lũy kế tại ngày 31/12/2017 là 21.298.065.838 đồng, trong đó khấu hao trong năm là 1.922.673.528 đồng.

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	373.941.497	799.878.599
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	406.879.440	58.155.441
	780.820.937	858.034.040
b) Dài hạn		
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	641.113.458	322.821.968
Giá trị còn lại của TSCĐ do phá dỡ	120.965.707	232.626.355
Chi phí chờ phân bổ Trung tâm thương mại - Alta Plaza	123.940.000	84.230.778
Vật tư có giá trị lớn xuất dùng cho thuê màn hình LED	11.331.375.411	12.900.701.277
Chi phí trả trước dài hạn khác tại Altamedia	122.680.559	2.346.294.415
Chi phí trả trước dài hạn khác	44.265.044	-
	12.384.340.179	15.886.674.793

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Xinhengjia Supply Chain (HK) Co., Ltd	740.871.996	740.871.996	746.892.824	746.892.824
- SMARTNET TECHNOLOGY, INC	1.133.808.234	1.133.808.234	-	-
- Công ty TNHH Thương mại Hưng Thành Phát	990.000.000	990.000.000	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	4.538.930.295	4.538.930.295	5.072.917.518	5.072.917.518
	7.403.610.525	7.403.610.525	5.819.810.342	5.819.810.342

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần ANTERNATION	348.488.044	-
SMARTNET TECHNOLOGY, INC	251.957.385	-
Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	262.669.962	1.604.385.167
	863.115.391	1.604.385.167

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	1.267.051.217	8.621.513.472	8.468.084.520	-	1.420.480.169
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	254.952	-	421.361.683	421.361.683	254.952	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	412.525.175	299.368.571	481.600.087	-	230.293.659
Thuế Thu nhập cá nhân	-	64.729.193	388.727.922	374.597.255	-	78.859.860
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	61.868.640	61.868.640	-	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	-	57.145.068	57.145.068	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	64.491.208	64.491.208	-	-
	254.952	1.744.305.585	9.914.476.564	9.929.148.461	254.952	1.729.633.688

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	72.228.700	40.054.800
- Bảo hiểm xã hội	322.045	-
- Bảo hiểm y tế	6.634.470	24.870.700
- Bảo hiểm thất nghiệp	21.190	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.616.880.872	1.868.196.872
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	29.394.040	28.491.140
- Phải trả lãi vay	19.205.680	-
- Quỹ phải trả người lao động	1.073.555.442	1.133.287.442
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	66.480.233	26.911.880
	2.884.722.672	3.121.812.834

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2017		Trong năm		31/12/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình ⁽¹⁾	3.598.869.400	3.598.869.400	17.071.967.507	17.653.081.166	3.017.755.741	3.017.755.741
3.598.869.400	3.598.869.400	3.598.869.400	17.071.967.507	17.653.081.166	3.017.755.741	3.017.755.741
b) Vay dài hạn						
- Ông Hoàng Minh Anh Tú ⁽²⁾	-	-	2.500.000.000	1.950.000.000	550.000.000	550.000.000
	-	-	2.500.000.000	1.950.000.000	550.000.000	550.000.000
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-	-	-	-	-	-
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	-	-	-	-	550.000.000	550.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(1) Gồm 02 hợp đồng tín dụng. Hợp đồng tín dụng cho vay theo hạn mức số 450/TBN-KDN/17TD ngày 09/06/2017, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 6.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: Đến hết ngày 30/05/2018;
- + Lãi suất cho vay: Lãi suất áp dụng cho từng lần nhận nợ;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

Hợp đồng tín dụng cho vay theo hạn mức số 816/TBN-KDN/17NH ngày 18/10/2017, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 5.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: Đến hết ngày 12/10/2018;
- + Lãi suất cho vay: Lãi suất áp dụng cho từng lần nhận nợ;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

(2) Hợp đồng tín dụng số 001/2017/BBMV-AM-SS ngày 27/04/2017, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 2.500.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: Đến hết ngày 28/04/2019;
- + Lãi suất cho vay: Không lãi suất.

c) Các khoản vay và nợ thuê tài chính đối với các bên liên quan

	31/12/2017		01/01/2017	
	Gốc VND	Lãi VND	Gốc VND	Lãi VND
Vay	550.000.000	-	-	-
- Hoàng Minh Anh				
Tú (1)	550.000.000	-	-	-
	550.000.000	-	-	-

Ghi chú:

(1) Tổng giám đốc điều hành

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	61.725.230.000	137.662.054.443	2.140.945.047	(11.666.581.607)	1.477.656.109	12.299.191.974	203.638.495.966
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	5.795.920.627	5.795.920.627
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	281.118.965	(4.004.440.470)	(3.723.321.505)
Số dư cuối năm trước	61.725.230.000	137.662.054.443	2.140.945.047	(11.666.581.607)	1.758.775.074	14.090.672.131	205.711.095.088
Số dư đầu năm nay	61.725.230.000	137.662.054.443	2.140.945.047	(11.666.581.607)	1.758.775.074	14.090.672.131	205.711.095.088
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	7.682.732.707	7.682.732.707
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	485.082.787	(4.897.273.900)	(4.412.191.113)
Số dư cuối năm nay	61.725.230.000	137.662.054.443	2.140.945.047	(11.666.581.607)	2.243.857.861	16.876.130.938	208.981.636.682

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/NQĐHCĐ/2017 ngày 14/04/2017, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2016 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	5.795.920.627
Trích Quỹ đầu tư phát triển	8,37%	485.082.787
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	16,74%	970.165.573
Chi trả cổ tức (bằng 6% vốn điều lệ)	59,39%	3.442.025.540
Lợi nhuận chưa phân phối	15,50%	898.646.727

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	61.725.230.000	61.725.230.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<i>61.725.230.000</i>	<i>61.725.230.000</i>
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	<i>61.725.230.000</i>	<i>61.725.230.000</i>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	3.442.025.540	3.442.202.540
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	<i>3.442.025.540</i>	<i>3.442.202.540</i>

c) Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.172.523	6.172.523
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.172.523	6.172.523
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>6.172.523</i>	<i>6.172.523</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại (<i>cổ phiếu quỹ</i>)	435.814	435.814
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>435.814</i>	<i>435.814</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.736.709	5.736.709
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>5.736.709</i>	<i>5.736.709</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

d) Các quỹ công ty

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	2.243.857.861	1.758.775.074
	2.243.857.861	1.758.775.074

22. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	86.379.348.742	64.875.824.079
Doanh thu cung cấp dịch vụ	58.269.718.381	64.302.659.465
	144.649.067.123	129.178.483.544
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37.)	1.972.315.944	1.971.760.059

23. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	2.395.757	-
Hàng bán bị trả lại	56.361.382	73.499.927
Giảm giá hàng bán	600.000	-
	59.357.139	73.499.927

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	82.626.993.456	64.001.722.587
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	43.893.970.255	44.866.013.161
	<u>126.520.963.711</u>	<u>108.867.735.748</u>

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	2.277.845.286	1.846.560.978
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.274.957.895	470.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	48.090.818	218.635.172
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	6.698.896
	<u>3.600.893.999</u>	<u>2.541.895.046</u>

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	72.212.349	156.359.305
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	257.037.700	352.051.204
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	455.564	25.208.891
	<u>329.705.613</u>	<u>533.619.400</u>

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nhân công	3.218.217.780	2.134.441.389
Chi phí dịch vụ mua ngoài	835.371.493	578.450.922
Chi phí khác bằng tiền	975.700.905	1.568.874.937
	<u>5.029.290.178</u>	<u>4.281.767.248</u>

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	402.476.827	308.564.724
Chi phí nhân công	5.879.095.529	7.270.488.451
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.508.191.774	1.547.959.265
Thuế, phí, lệ phí	137.060.486	159.993.036
Chi phí dự phòng	44.911.543	26.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.640.876.010	2.180.190.625
Chi phí khác bằng tiền	978.684.939	1.562.450.359
	<u>10.591.297.108</u>	<u>13.055.646.460</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

29. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Tiền phạt thu được	252.639.918	-
Thu nhập khác	241.912.785	60.514.222
	494.552.703	60.514.222

30. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	125.083.892	-
Các khoản bị phạt	58.239.242	-
Chi phí khác	13.585.465	248.167.891
	196.908.599	248.167.891

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	299.368.571	705.146.566
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	159.852.240
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	412.525.175	187.670.298
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(481.600.087)	(640.143.929)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	230.293.659	412.525.175

32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	7.682.732.707	5.795.920.627
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	7.682.732.707	5.795.920.627
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	5.736.709	5.736.709
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.339	1.010

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

33. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	52.160.445.204	48.908.929.433
Chi phí nhân công	19.148.785.780	18.881.582.809
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.193.280.811	12.075.838.827
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.218.298.635	9.629.560.835
Chi phí khác bằng tiền	8.677.709.914	8.683.192.845
	101.398.520.344	98.179.104.748

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	29.578.486.222	-	32.386.135.209	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	26.222.671.967	(70.911.543)	19.299.237.163	(26.000.000)
Các khoản cho vay	37.110.250.000	-	25.700.000.000	-
	92.911.408.189	(70.911.543)	77.385.372.372	(26.000.000)
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			3.567.755.741	3.598.869.400
Phải trả người bán, phải trả khác			10.288.333.197	8.941.623.176
			13.856.088.938	12.540.492.576

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	29.578.486.222	-	-	29.578.486.222
Phải thu khách hàng, phải thu khác	26.065.260.678	86.499.746	-	26.151.760.424
Các khoản cho vay	34.610.250.000	2.500.000.000	-	37.110.250.000
	90.253.996.900	2.586.499.746	-	92.840.496.646
Tại ngày 01/01/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.386.135.209	-	-	32.386.135.209
Phải thu khách hàng, phải thu khác	19.186.737.163	86.500.000	-	19.273.237.163
Các khoản cho vay	25.700.000.000	-	-	25.700.000.000
	77.272.872.372	86.500.000	-	77.359.372.372

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2017				
Vay và nợ	3.017.755.741	550.000.000	-	3.567.755.741
Phải trả người bán, phải trả khác	10.288.333.197	-	-	10.288.333.197
	13.306.088.938	550.000.000	-	13.856.088.938
Tại ngày 01/01/2017				
Vay và nợ	3.598.869.400	-	-	3.598.869.400
Phải trả người bán, phải trả khác	8.941.623.176	-	-	8.941.623.176
	12.540.492.576	-	-	12.540.492.576

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

35. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

36. BÁO CÁO BỘ PHẬN**Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Hoạt động sản xuất và thương mại VND	Hoạt động dịch vụ VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	86.319.991.603	58.269.718.381	144.589.709.984
Chi phí bộ phận trực tiếp	82.626.993.456	43.893.970.255	126.520.963.711
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3.692.998.147	14.375.748.126	18.068.746.273
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	7.495.274.448	7.495.274.448
Tài sản bộ phận trực tiếp	136.306.842.265	92.012.999.129	228.319.841.394
Tổng tài sản	136.306.842.265	92.012.999.129	228.319.841.394
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	11.544.899.485	7.793.305.227	19.338.204.712
Tổng nợ phải trả	11.544.899.485	7.793.305.227	19.338.204.712

Theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam, do vậy Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại thuyết minh số 20.)

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu		1.972.315.944	1.971.760.059
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Công ty liên kết	1.972.315.944	1.971.760.059
Cổ tức được chia		1.274.957.895	470.000.000
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Công ty liên kết	1.274.957.895	470.000.000

Số dư tại ngày kết thúc năm:

	Mối quan hệ	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		404.226.281	401.990.472
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Công ty liên kết	404.226.281	401.990.472
Phải thu về cho vay		2.500.000.000	-
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Công ty liên kết	2.500.000.000	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thu nhập của Ban Điều hành và Hội đồng Quản trị	2.302.747.584	2.281.590.500
Trong đó thu nhập của Tổng Giám đốc	432.571.051	414.091.372

38. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Nguyễn Thị Ngọc Duyên
 Người lập

Nguyễn Thị Xuân
 Kế toán trưởng



Hoàng Minh Anh Tú
 Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2018



X. BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Từ những đòi hỏi phải minh bạch các hoạt động đóng góp cho môi trường, cộng đồng và xã hội – ALTA xây dựng báo cáo phát triển bền vững của công ty trên cơ sở thấu hiểu trách nhiệm và sứ mạng của mình với tư cách là một doanh nghiệp niêm yết.

Trong những năm vừa qua sản phẩm của ALTA luôn hướng đến môi trường và xã hội đồng thời tạo ảnh hưởng đến xu hướng tiêu dùng thân thiện và văn minh.

Trên cơ sở xác định mục tiêu phát triển bền vững, công ty công bố phần báo cáo này như một công cụ để giải trình và cam kết trách nhiệm với các bên có liên quan.

Do tầm mức và qui mô hoạt động, công ty xây dựng phần báo cáo phát triển bền vững tích hợp trong Báo cáo thường niên với các nội dung liên quan tới phát triển bền vững bao gồm: quản lý nguồn nguyên liệu, tiêu thụ năng lượng, tiêu thụ nước, tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường, chính sách liên quan đến người lao động, báo cáo liên quan đến trách nhiệm với cộng đồng địa phương, báo cáo liên quan đến thị trường vốn xanh và trách nhiệm quản trị.

Báo cáo được xây dựng trên cơ sở Tài liệu hướng dẫn Công bố thông tin về Môi trường, Xã hội và Quản trị (ESG) của Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội tháng 10 năm 2016.

Tất cả để gửi đến các Cổ đông, các Nhà đầu tư một cái nhìn toàn diện về sự phát triển và đóng góp của công ty cho các nhu cầu chung của môi trường, cộng đồng và xã hội.

1. Cam kết của Ban lãnh đạo

Chính sách chất lượng của ALTA đã nêu rõ những nội dung chủ yếu sau:

Bảo đảm chất lượng sản phẩm:

- *Xây dựng – duy trì và liên tục cải tiến hệ thống Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008. Cam kết tạo ra sản phẩm chất lượng bảo đảm quyền lợi, sức khỏe và sự an toàn của người tiêu dùng.*
- *Kiểm soát nghiêm túc các qui trình sản xuất và dịch vụ để gia tăng uy tín thương hiệu và bảo đảm hiệu quả vận doanh.*

Tích cực bảo vệ môi trường:

- *Tuân thủ và thực hiện các qui định về bảo vệ môi trường, giảm thiểu tối đa tác động môi trường của sản phẩm và dịch vụ.*
- *Sử dụng tài nguyên và năng lượng theo hướng thực sự cần thiết và tiết kiệm đồng thời giảm thiểu lãng phí có tính đến phương án tái chế, tái sử dụng.*

Phát triển nguồn nhân lực:

- *Cung cấp môi trường làm việc thuận lợi, chăm sóc sức khỏe và bảo đảm an toàn lao động cho mọi thành viên.*
- *Đào tạo hoàn thiện kỹ năng và phát triển nghề nghiệp đồng thời tăng cường phúc lợi cho người lao động.*

Thực hiện trách nhiệm xã hội:

- *Xác định trách nhiệm xã hội của Công Ty đối với cộng đồng xã hội và tôn trọng quyền lợi hợp pháp của mọi thành viên xã hội.*
- *Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, phát triển mối quan hệ nhân sự trong cộng đồng công ty trên tinh thần đoàn kết, hợp tác, chủ động và sáng tạo nhằm mang lại hiệu quả cao nhất cho công việc.*

2. Quá trình tiến đến phát triển bền vững

- Năm 1993, công ty đã liên doanh với đối tác Đài Loan để sản xuất đầu tiên tại Việt Nam mặt hàng khăn giấy ướt thơm Luxta sử dụng một lần góp phần bảo vệ môi trường.
- Năm 2000, công ty là đơn vị đầu tiên tại Việt nam đã sản xuất Hạt màu chủ (masterbatch) – một nguyên liệu nhựa thân thiện môi trường để thay thế bột màu độc hại trong thành phần sản phẩm nhựa tiêu dùng.
- Năm 2002, công ty là doanh nghiệp đầu tiên sản xuất bao bì tự hủy thân thiện với môi trường để xuất khẩu sang Châu Âu, Châu Úc.

- Năm 2005, Chủ tịch nước Trần Đức Lương đã đến tham quan dây chuyền sản xuất bao bì tự phân hủy của Công ty và đề nghị sản xuất và phân phối rộng sản phẩm đến thị trường trong nước.
 - Năm 2006, ALTA đã đạt Danh hiệu “ DOANH NGHIỆP UY TÍN –CHẤT LƯỢNG NĂM 2006 “do Mạng Doanh nghiệp Việt Nam trao tặng trên cơ sở ý kiến bình chọn của người tiêu dùng .
 - Năm 2007, ALTA cũng đạt giải ba “DOANH NGHIỆP XANH” lần 1 năm 2006 do UBND TP.HCM trao tặng ngày 01-02-2007.
- Giải thưởng này nhằm biểu dương, tôn vinh những doanh nghiệp tiêu biểu có ý thức và hoạt động hiệu quả trong công tác bảo vệ môi trường, đóng góp tích cực cho phong trào bảo vệ môi trường cùng cộng đồng; cố gắng xóa bỏ rào cản “xanh” để tạo thêm cơ hội xâm nhập thị trường thương mại thế giới, nhất là khi Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO).
- Năm 2009, công ty sản xuất sản phẩm bao bì nhựa tự hủy ARO sử dụng trong gia đình và được siêu thị Metro đặt làm nhãn hàng riêng.
 - Năm 2012, sản phẩm bao bì nhựa phân hủy sinh học và bao bì nhựa Alta được Bộ Tài nguyên và môi trường cấp giấy chứng nhận túi ni lông thân thiện môi trường.
 - Năm 2014, công ty được UBND TP HCM khen thưởng vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác bảo vệ môi trường - đạt giải thưởng Môi trường Tp.HCM năm 2014.
 - Năm 2015, công ty được Sở Tài Nguyên Môi trường TP HCM khen thưởng về thành tích xuất sắc trong Chương trình Giảm sử dụng túi ni-lông trên địa bàn tp. HCM.
 - Năm 2016, công ty được HEPZA trao danh hiệu “Doanh nghiệp Khu Công nghiệp Tp HCM tiêu biểu”.
 - Năm 2016 công ty đã đưa vào thị trường 2 nhãn hiệu Khăn trải đa năng NEAT và Túi rác có hương OXO.
 - Năm 2017 công ty Alta Plastic (công ty con 100% vốn của ALTA) được Sở Tài Nguyên Môi Trường tặng giấy khen đã có đóng góp tích cực cho Chương trình Ngày hội Tái chế Chất thải giai đoạn 10 năm (2008 – 2017).

3. Vị thế hiện tại của công ty trong hành trình phát triển bền vững

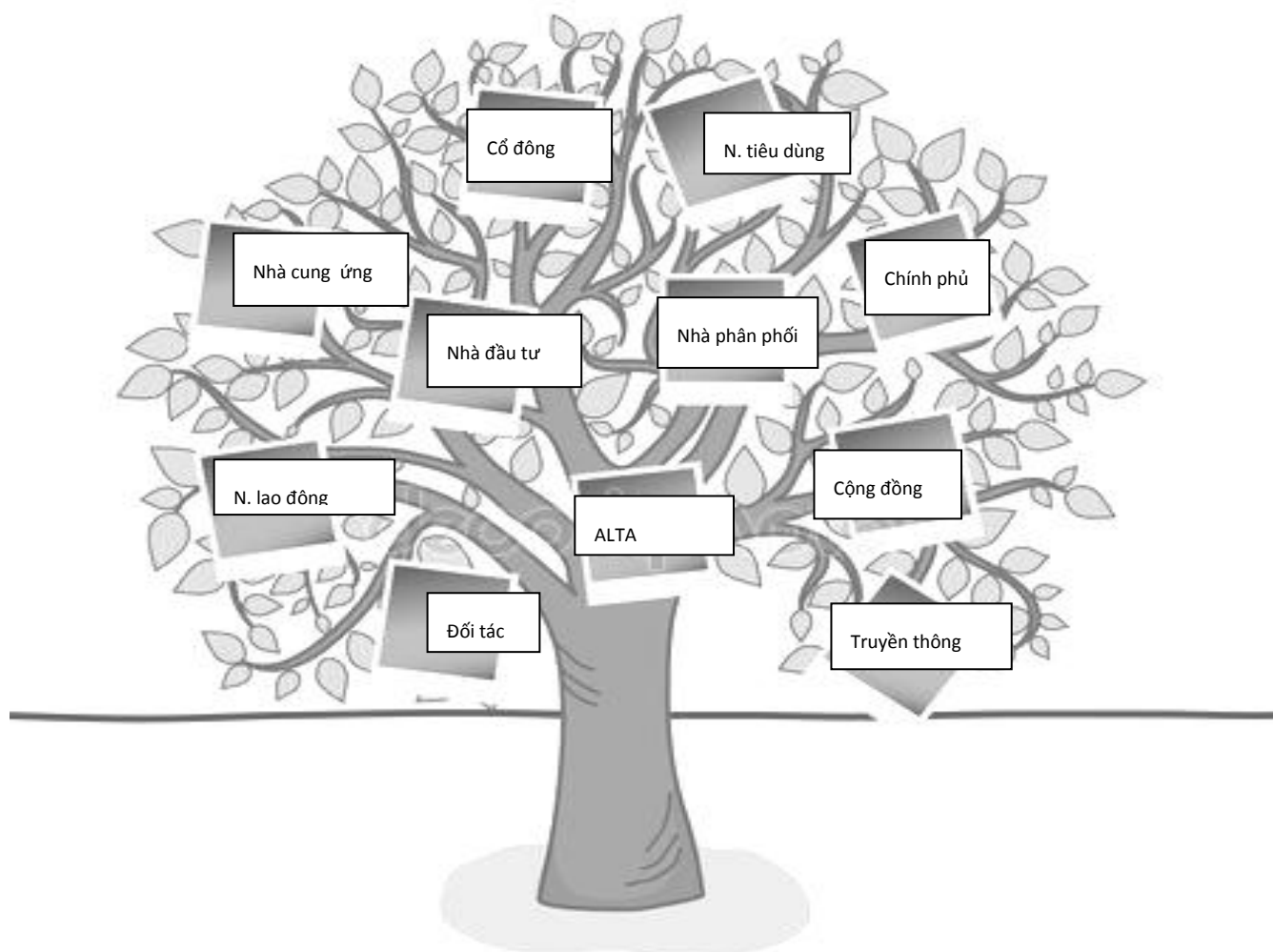
- Trước đây công ty ALTA do yêu cầu của khách hàng nước ngoài đã sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm thân thiện môi trường. Sau đó ý thức được việc cần hành động để bảo vệ môi trường công ty đã phát triển và nhân rộng việc sản xuất và sử dụng các sản phẩm này tại thị trường nội địa với slogan: “HÃY NGHĨ ĐẾN NGÀY MAI”.
- Từ năm 2000, công ty đã tiếp cận với khái niệm phát triển bền vững: "Phát triển bền vững là sự phát triển nhằm thỏa mãn các nhu cầu hiện tại của con người nhưng không tổn hại tới sự thỏa mãn các nhu cầu của thế hệ tương lai". (Định nghĩa của Ủy ban Môi trường và Phát triển của Liên Hợp Quốc năm 1987). Công ty đã cho ra đời các sản phẩm như hạt màu chủ masterbatch, bao bì tự hủy, túi đi biển sử dụng một lần, túi vải non wowed, khăn giấy ướt Luxta, tấm trải đa năng Neat, Túi rác mùi hương OXO...
- Bên cạnh đó, công ty cũng đã xây dựng, hoàn thiện và duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 với các phiên bản được cập nhật từ năm 2002, áp dụng tiêu chuẩn toàn cầu về an toàn thực phẩm do Hiệp hội bán lẻ Anh quốc BRC (British Retailer Consortium) từ năm 2012.
- Công ty đã xây dựng hình ảnh “DOANH NGHIỆP XANH” trở thành biểu tượng và thương hiệu của ALTA, một doanh nghiệp đầu tiên cổ phần hóa của ngành văn hóa. Các sản phẩm và dịch vụ của công ty ngoài tiêu chuẩn chất lượng, hiện đại còn phải đáp ứng yêu cầu thân thiện và bảo vệ môi trường.
- Từ năm 2006, công ty ALTA trở thành doanh nghiệp ngành văn hóa đầu tiên niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt nam, việc công bố thông tin minh bạch và chính xác càng tác động đến việc bảo vệ và nâng cao uy tín thương hiệu. Công ty ý thức rằng các yếu tố phi tài chính như môi trường, xã hội và quản trị công ty luôn có ảnh hưởng đến hình ảnh và hiệu quả của công ty. Cổ đông, các nhà đầu tư và khách hàng đã tiếp cận với công ty qua logo màu xanh ALTA quen thuộc và thân thiện, qua hình ảnh chiếc lá xanh tươi trên các loại bao bì nhựa xuất hiện khắp nơi, qua tính cách thân thiện và nhiệt tình của các thành viên ALTA...











- Từ năm 2016, trong báo cáo thường niên lần đầu tiên công ty ALTA tích hợp phần báo cáo phát triển bền vững để khẳng định và công bố thông tin với cộng đồng về cam kết thực hiện các mục tiêu bảo vệ môi trường, phát triển cộng đồng và hoàn thiện quản trị công ty, đem lại lợi ích tốt nhất cho sự tăng trưởng và hạnh phúc của các thành viên ALTA bao gồm cả cổ đông.

4. Xác định trách nhiệm

- Hội đồng Quản trị công ty là cấp lãnh đạo cao nhất có trách nhiệm định hướng cụ thể mục tiêu phát triển bền vững, trên cơ sở đó giám sát quá trình phân tích, tổng hợp và báo cáo bền vững.
- Ban Giám đốc có trách nhiệm xác định các vấn đề trọng yếu, thành lập tổ công tác, giải trình về quá trình lập và tổng hợp báo cáo.
- Các tổ công tác có trách nhiệm thu thập dữ liệu, phân tích vị thế hiện tại và tham vấn các bên liên quan.
- Báo cáo bền vững là cam kết của doanh nghiệp sau khi đã nhìn rõ thực tại của mình, lắng nghe trong đối thoại trung thực với các bên liên quan và cuối cùng là trách nhiệm cải tiến liên tục.

5. Mối quan hệ với các bên liên quan



Các bên liên quan		Alta làm sao biết?	Họ cần gì?	Alta cam kết
1. Cổ đông		Đại hội cổ đông Website Alta	Cổ tức tốt Doanh nghiệp phát triển.	Nâng cao hiệu quả - Sinh lợi tối ưu - Phát triển DN theo hướng ổn định và bền vững - Thông tin minh bạch.
2. Nhà đầu tư		Thu thập thông tin Website Alta	Biết được tình hình sinh lợi. Hướng phát triển tốt	Nâng cao hiệu quả - Sinh lợi tối ưu - Phát triển DN theo hướng ổn định và bền vững - Thông tin minh bạch.
3. Người tiêu dùng		Thu thập thông tin từ các kênh: bán hàng, online....	Hàng hóa, dịch vụ an toàn, chất lượng tốt, giá hợp lý	Nâng cao uy tín thương hiệu - sản phẩm và dịch vụ chất lượng tốt, bảo đảm quyền lợi, sức khỏe và sự an toàn của người tiêu dùng.
4. Nhà phân phối		Gặp gỡ trực tiếp Hợp đồng ký kết	Hàng hóa chất lượng Chính sách bán hàng phù hợp	Nâng cao uy tín thương hiệu - sản phẩm và dịch vụ chất lượng tốt. Chính sách giá hợp lý - Cùng phát triển bền vững.
5. Đối tác, doanh nghiệp cùng ngành		Hội nghị Hợp đồng	Hợp tác phát triển . Cạnh tranh lành mạnh	Luôn là người bạn chân thành , hợp tác hoặc cạnh tranh theo phương châm cùng thắng (Win & Win)
6. Nhà cung ứng		Gặp trực tiếp Hợp đồng ký kết Tham quan thực tế	Doanh nghiệp phát triển Bạn hàng lâu dài Thanh toán tốt	Hợp đồng trách nhiệm rõ ràng - Yêu cầu về xã hội và môi trường - Thanh toán đúng hạn.
7. Người lao động		Hội nghị CNVC Các góp ý thường xuyên Bảng khảo sát Chương trình đào tạo	Thu nhập ổn định Công việc ổn định An toàn lao động Nâng cao tay nghề	Đào tạo theo nhu cầu 2 bên - nâng cao thu nhập - Tạo một cuộc sống chất lượng, đáng sống.
8. Truyền thông		Thông cáo báo chí Thu thập thông tin	Thông tin chính xác, minh bạch, kịp thời	Bảo đảm các thông tin luôn minh bạch, cập nhật hóa và trung thực.
9. Cộng đồng		Tiếp xúc trực tiếp Thông tin từ cộng đồng	Doanh nghiệp tham gia, đóng góp cho xã hội, cho địa phương theo khả năng.	Thực hiện trách nhiệm xã hội thông qua các hoạt động phát triển cộng đồng địa phương - Hỗ trợ cộng đồng địa phương cách tốt nhất.
10. Chính phủ		Hội nghị, hội thảo Các tổ chức đoàn thể Các qui định chung hoặc riêng biệt	Tuân thủ qui định Thông tin minh bạch Doanh nghiệp phát triển	Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế - Tuân thủ pháp luật - Đóng góp xây dựng chính phủ vì dân và vì xã hội.



6. Chỉ tiêu phát triển bền vững về Môi trường (E)

a. Chỉ tiêu EA – Quản lý chất thải

EA.1 – Quản lý khí thải nhà kính

- Định kỳ 1 năm 1 lần, công ty đều đo đạc quan trắc môi trường lao động với các chỉ tiêu:
 - o Vi khí hậu: nhiệt độ (độ C); độ ẩm (%); tốc độ gió (m/s).
 - o Yếu tố vật lý: Ánh sáng (Lux); Tiếng ồn chung (dBA); Tiếng ồn phân tích theo dãy số (Hz).
 - o Yếu tố bụi: Bụi hô hấp không chứa silic (mg/m³).
 - o Yếu tố hóa học: Hơi khí CO, SO₂, NO₂ (mg/m³).
- Do đặc thù loại hình sản xuất của Công ty là sản xuất khăn giấy thơm, sản xuất bao bì nhựa, Công ty không sử dụng lò hơi. Bên cạnh đó Công ty không sử dụng máy phát điện, và không lắp đặt hệ thống xử lý khí thải do vậy sẽ không phát thải khí tại nguồn.
- Kết quả lần đo đạc mới nhất ngày 04/09/2017:

1. Vi khí hậu:

- Nhiệt độ: tất cả **03/03** mẫu đo nhiệt độ tại thời điểm kiểm tra đều đạt Tiêu chuẩn cho phép (TCCP) theo TCVN 5508:2009, chiếm tỷ lệ 100% mẫu đo.
- Độ ẩm: tất cả **03/03** mẫu đo độ ẩm đều đạt TCCP theo TCVN 5508:2009, chiếm tỷ lệ 100% mẫu đo.
- Tốc độ gió: Tất cả **03/03** mẫu đo vận tốc gió đều đạt TCCP theo TCVN 5508:2009, chiếm tỷ lệ 100% mẫu đo.

2. Ánh sáng:

- Tất cả **03/03** mẫu đo ánh sáng đều đạt Tiêu chuẩn Vệ sinh lao động (TCVSLĐ) cho phép theo Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT, chiếm tỷ lệ 100% mẫu đo.

3. Tiếng ồn:

- Tiếng ồn chung: tất cả **03/03** mẫu đo tiếng ồn chung đều đạt TCVSLĐ cho phép theo Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT, chiếm tỷ lệ 100% mẫu đo.
- Tiếng ồn phân tích dãy tần: Phân tích tại 02 vị trí, kết quả cho thấy tất cả vị trí tiếng ồn ở các dãy tần đều đảm bảo TCVSLĐ cho phép theo Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT.

4. Bụi các loại:

- Tất cả **03/03** mẫu đo bụi hô hấp không chứa silic đều có kết quả đạt TCVSLĐ cho phép theo Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT, chiếm tỷ lệ 100% số mẫu đo.

5. Hơi hóa học và khí độc:

- CO: Tất cả 01/01 mẫu đo CO tại các vị trí đo đều đảm bảo TCVSLĐ cho phép theo Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT, chiếm tỷ lệ 100% mẫu đo, (giá trị cho phép theo TWA $\leq 20\text{mg/m}^3$).
- SO₂: Tất cả 01/01 mẫu đo SO₂ tại các vị trí đo đều đảm bảo TCVSLĐ cho phép theo Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT, chiếm tỷ lệ 100% mẫu đo, (giá trị cho phép theo TWA $\leq 5\text{mg/m}^3$).
- NO₂: Tất cả 01/01 mẫu đo NO₂ tại các vị trí đo đều đảm bảo TCVSLĐ cho phép theo Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT, chiếm tỷ lệ 100% mẫu đo, (giá trị cho phép theo TWA $\leq 5\text{mg/m}^3$).

EA.2 - Về nước thải và chất thải

- Công ty đã ban hành chính sách bảo vệ môi trường, hạn chế tối đa việc xả nước thải và chất thải gây ô nhiễm môi trường.
- Các phương án đang áp dụng: nhà máy sản xuất của công ty có 2 hệ thống thoát nước tách rời – 1 của nước thải sinh hoạt và 1 của nước mưa.
- Tại văn phòng nước thải chủ yếu là nước mưa và nước sinh hoạt. Nước thải sinh hoạt sẽ được chứa bằng bể tự hoại, sau khi qua bể tự hoại sẽ được dẫn ra ống thoát nước chung.
- Tại khu vực sản xuất không phát sinh ra nước thải do sử dụng tuần hoàn nước để làm mát các hạt CaCO₃ và hạt tái sinh và đưa lại vào quá trình sản xuất.
- Nhắc nhở nhân viên tiết kiệm nước, giảm thiểu xả nước thải bằng cách giảm lượng nước sử dụng.
- Tổng lượng nước thải cả công ty là 87 m³/ngày.
- Định kỳ sẽ lấy mẫu nước thải để phân tích có đạt tiêu chuẩn bảo vệ môi trường.
- Kết quả phân tích ngày 30/11/2017:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Tiêu chuẩn VN
1	pH ^(a,b)	-	6,86	5,5-9
2	Chất rắn lơ lửng SS ^(a,b)	mg/l	19	100
3	BOD ₅ (20° C) ^(a,b)	mg/l	22	50
2	COD ^(a,b)	mg/l	47	150
6	Tổng Nitơ ^(*)	mg/l	8,83	40
7	Tổng Photpho	mg/l	0,39	6
5	Amoni - N-NH ₄ ⁺	mg/l	2,75	10

- Chất thải rắn sinh hoạt & công nghiệp: Thùng carton, giấy, màng & các chất thải khác trong quá trình sản xuất được chuyển giao cho Công ty Môi trường Đô thị TP.HCM thu gom hàng ngày.

Tên chất thải thông thường	Số lượng (kg)/ năm
Chất thải rắn sinh hoạt	20.400
Khăn giấy lỗi	
Tổng số	20.400

- Chất thải nguy hại: Công ty hiện sản xuất mặt hàng là khăn giấy thơm và bao bì nhựa, khối lượng chất thải nguy hại phát sinh ít. Công ty ALTA và công ty ALTA PLASTIC (công ty con 100% vốn của công ty ALTA) chuyển giao chất thải nguy hại cho Công ty Môi trường Đô thị TP.HCM xử lý vào ngày định kỳ với số lượng năm 2017 như sau:

Tên chất thải nguy hại	Mã CTNH	Số lượng (kg)/ năm
Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	39
Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), ghê lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	75
Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	0
Bao bì mềm thải	18 01 01	1.378
Tổng số		1.492

- Giẻ lau dính mực in, dung môi đựng trong bao bì nhựa, chứa trong khu vực có mái che. Dầu, nhớt thải chứa trong thùng phuy, có nắp đậy. Bóng đèn huỳnh quang chứa trong thùng phuy. Bao bì mềm thải chứa trong thùng phuy.
- Hạn chế sử dụng các chế phẩm hóa học trong làm sạch môi trường và trong sản xuất.

EA.3 - Tổng chi phí cho các hoạt động xử lý chất thải, bảo vệ môi trường

- Chi phí cho các hoạt động xử lý chất thải năm 2017 là 20.890.000 đồng.
- Chi phí cho các hoạt động bảo vệ môi trường năm 2017 là 21.607.380 đồng.

b. Chỉ tiêu EB - Tuân thủ quy định

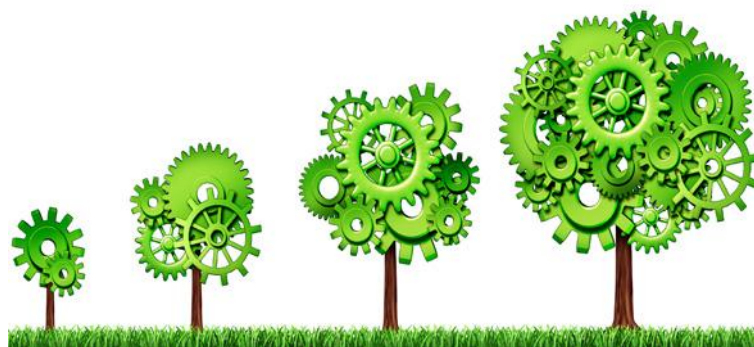
EB.1 - Việc tuân thủ các quy định về môi trường

- Công ty luôn tuân thủ các quy định của Luật bảo vệ môi trường 2014 số 55/2014/QH13 có hiệu lực từ ngày 01/01/2015. Nghị định số 18/2015/NĐ-CP Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường có hiệu lực từ ngày 01/04/2015. Nghị định số 19/2015/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường có hiệu lực từ ngày 01/04/2015.
- Các báo cáo cần thiết như: Báo cáo quản lý chất thải nguy hại năm 2017; Báo cáo giám sát môi trường năm 2017...được gửi đến các đơn vị hữu quan: Chi cục bảo vệ môi trường thuộc

Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng quản lý môi trường của HEPZA, Ban quản lý Khu công nghiệp Tân Bình... theo đúng yêu cầu và thời hạn qui định.

EB.2 - Các khoản tiền phạt

- Công ty không có trường hợp vi phạm Luật bảo vệ môi trường.



c. Chỉ tiêu EC - Tác động của môi trường và hệ sinh thái

EC.1 – Các tác động của biến đổi khí hậu

- Ý thức các biến đổi khí hậu như hiệu ứng nhà kính, sự suy giảm ôzôn, đảo nhiệt đô thị ...đều có khả năng ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, toàn bộ các hoạt động sản xuất của công ty đều tập trung vào Nhà máy tại Khu công nghiệp – tách rời với khu vực dân cư, với mật độ xây dựng không quá 50%, nhà xưởng thông thoáng, cây xanh bao quanh và trang bị vật liệu chống nóng.

EC.2 – Môi trường sống được bảo tồn

- Môi trường lao động an toàn và không có tác nhân gây nguy hại.

EC.3 – Giảm nhẹ tác động môi trường của sản phẩm và dịch vụ

- Trong quá trình sản xuất kinh doanh, công ty luôn bảo đảm giảm thiểu tối đa tác động môi trường của sản phẩm và dịch vụ như: không sử dụng nguyên vật liệu độc hại, quản lý nghiêm định mức tiêu hao nguyên liệu vật tư và năng lượng. Giảm thiểu lượng nước sử dụng, giảm phát thải khí, giảm tiếng ồn và chất thải.

EC.4 – Tác động môi trường của việc vận chuyển sản phẩm, hàng hóa, nguyên vật liệu và người lao động.

- Tổng chi phí chi trả cho hoạt động vận chuyển năm 2017 là 1.408.293.795 đồng tăng 7.9 % so với năm trước (1.304.689.776 đồng)

d. Chỉ tiêu ED - sử dụng và quản lý tài nguyên

ED.1 - Việc sử dụng tài nguyên và năng lượng

- Các chỉ tiêu đo lường việc sử dụng tài nguyên:
 - o Tổng số điện tiêu thụ 3.758.740 Kwh.
 - o Tổng số nước tiêu thụ 36.215 m³.
 - o Tổng số nhiên liệu sử dụng 27.652 lít.
 - o Tổng số nguyên vật liệu chính đưa vào sản xuất 2.258 tấn.
- Các hoạt động quản lý năng lượng

- Thiết bị điện như đèn chiếu sáng, điều hòa không khí, quạt... được thiết kế để tiết kiệm năng lượng được sử dụng trong văn phòng và nhà máy.
- Các cảm biến và tính giờ được sử dụng để tắt thiết bị điện không cần thiết trong khu vực liên tục sử dụng như phòng họp, khu vực lưu trữ và phòng làm việc.
- Khuyến khích nhân viên thực hiện tiết kiệm năng lượng, có bảng thông báo để nhắc nhở tắt đèn và máy điều hòa không khí.



ED.2 - Các hoạt động tái chế:

- Các chỉ tiêu về hoạt động tái chế
 - Tổng trọng lượng hạt nhựa tái sinh là 609 tấn.
 - Tổng sản phẩm bao bì nhựa sử dụng hạt tái sinh 1.520 tấn
 - Bao bì giấy được sử dụng từ nguồn phế phẩm in.
 - Bao bì nhựa cho ấn phẩm được sử dụng từ nguồn phế phẩm nhựa.
- Công ty đã tham dự các ngày hội tái chế:
- Tham gia Ngày hội tái chế chất thải lần 10 - năm 2017 được diễn ra ngày 09/04/2017 tại Cung Văn Hóa Lao Động do Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức.
- Tham gia ngày hội nhằm trưng bày và giới thiệu các sản phẩm túi ni lông thân thiện môi trường gồm: “Túi ni-lông phân hủy sinh học ALTA” & “Túi ni-lông thân thiện môi trường ALTA” đã được Tổng Cục Môi Trường – Bộ Tài Nguyên Môi Trường cấp giấy chứng nhận sản phẩm thân thiện với môi trường.
- Tại Ngày hội Công ty tham gia vào hoạt động trao đổi túi đã qua sử dụng và nhận lại các túi phân hủy sinh học, túi thân thiện môi trường.
- Đặc biệt, Công ty đã có chương trình Thu gom và tái chế túi ni-lông cũ đã qua sử dụng, kêu gọi mọi người mang túi ni-lông cũ để đổi các loại túi thân thiện môi trường, túi phân hủy sinh học, túi vải không dệt... nhằm tạo cho người tiêu dùng thói quen giảm sử dụng các loại túi ni-lông thông thường, chuyển sang dùng túi tự hủy để bảo vệ môi trường sống.
- Nhằm giảm rác thải ra ngoài môi trường Công ty đã tiến hành thu gom phế liệu từ các tổ sản xuất và các túi ni lông sạch từ khách hàng về tổ tái sinh nhằm tái chế lại thành các hạt nhựa. Tại nơi sản xuất: Thu hồi phế liệu từ quá trình thổi, quá trình cắt... bị lỗi về tổ tái sinh. Đối với người tiêu dùng: Tiến hành đổi số lượng không hạn chế túi ni lông đã được làm sạch để lấy túi ni lông mới và chuyển túi ni lông của người tiêu dùng về tổ Tái sinh. Đối với khách

hàng mua sản phẩm túi ni lông phân hủy sinh học ALTA: khi túi tới thời gian chuẩn bị phân hủy mà khách hàng chưa sử dụng hết, công ty sẽ thu hồi lại từ khách hàng.

- Phương pháp tái chế: Túi ni lông được thu hồi từ các nguồn nói trên sẽ được tập kết tại khu vực tổ Tái Sinh của Công ty để tái chế thành hạt nhựa tái sinh.

e. Chỉ tiêu EE - Lựa chọn nhà cung ứng

EE.1 – Lựa chọn nhà cung ứng

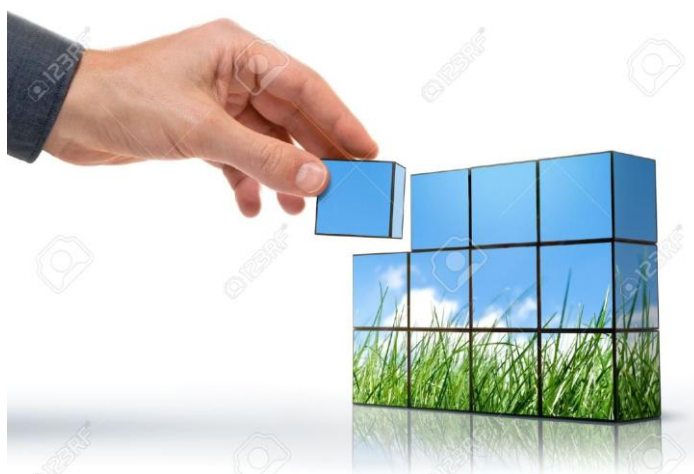
- Công ty đánh giá và lựa chọn nhà cung ứng theo hướng thân thiện môi trường theo các tiêu chí
 - o Công nghệ hiện đại không gây ô nhiễm môi trường.
 - o Môi trường lao động tốt.
 - o Nguyên liệu cung cấp không gây hại cho sản phẩm và người tiêu dùng.

7. Chỉ tiêu phát triển bền vững về Xã hội (S)

a. Chỉ tiêu SA – Sản phẩm, dịch vụ đảm bảo sức khỏe và an toàn cho người tiêu dùng

SA.1 – Sản phẩm và dịch vụ

- Công ty đã ban hành các quy trình ISO trong sản xuất sản phẩm, trong cung cấp dịch vụ để bảo đảm quyền lợi, sức khỏe và sự an toàn của người tiêu dùng.
- Sản phẩm bao bì nhựa của công ty đạt tiêu chuẩn BRC - BRC là tiêu chuẩn toàn cầu về an toàn thực phẩm do Hiệp hội bán lẻ Anh quốc (British Retailer Consortium-BRC) thiết lập vào năm 1998, thích hợp cho việc kiểm soát chất lượng và an toàn thực phẩm.
- Do đó trong năm 2017 công ty không có sản phẩm bị trả về vì lý do ảnh hưởng đến sức khỏe và sự an toàn của khách hàng.



b. Chỉ tiêu SB – Nguyên tắc sử dụng lao động

SB.1 – Tuyển dụng lao động

- Phương pháp tiếp cận để tuyển dụng lao động:
 - o Tuyển dụng từ nguồn lao động dự trữ - thông báo tuyển lao động tại chỗ cho công việc khác.

- Thông báo tuyển nhân sự tại khu vực, địa phương.
 - Đưa ra các khoản thưởng khuyến khích nhân viên trong Công ty giới thiệu nhân viên sản xuất.
 - Liên hệ với các trường Trung cấp, Cao đẳng, Đại học trên địa bàn nhận sinh viên thực tập và tuyển dụng sinh viên mới ra trường nhằm trẻ hóa đội ngũ lao động của công ty.
 - Chủ động tuyển dụng thông qua mạng online và các trang web tuyển dụng: timviecnhanh.com, chotot.com, muaban.net...
- Các tiêu chí tuyển dụng: Tay nghề, đạo đức, tư cách, trình độ, sự trung thực, lòng nhiệt thành, sự phù hợp với công việc...
 - Một số ưu tiên tuyển dụng: Người địa phương, dân tộc thiểu số, trẻ tuổi, kinh nghiệm chuyên môn, người được nhân viên hoặc cổ đông giới thiệu...
 - Bảng khảo sát tỷ lệ người lao động tại công ty

Các chỉ tiêu	Nhóm tuổi		Giới tính		Khu vực	
	Dưới 30	Trên 30	Nam	Nữ	Tp. HCM	Khác
Tuyển mới	38	25	43	20	12	51
Cấp quản lý (Từ Tổ trưởng trở lên...)	10	24	20	14	19	15
Tổng số Người lao động	116	113	152	77	87	142

SB.2 – Phòng chống lao động trẻ em và lao động cưỡng bức

- Công ty kiên quyết không sử dụng lao động trẻ em và không chấp nhận bất cứ hình thức lao động cưỡng bức nào trong hoạt động của mình. Nếu phát hiện việc sử dụng lao động trẻ em và lao động cưỡng bức tại đơn vị / bộ phận nào thì cấp quản lý sẽ bị buộc thôi việc.

SB.3 – Sức khỏe và an toàn lao động

- Công ty ban hành đầy đủ các qui định về An toàn lao động - Vệ sinh lao động - Nội quy lao động cho Người lao động.
 - Thiết lập các chính sách và hướng dẫn để bảo vệ sức khỏe và sự an toàn của người lao động tại nơi làm việc. Tổ chức huấn luyện đào tạo định kỳ về An toàn LĐ - Vệ sinh LĐ - Nội quy LĐ cho Người lao động.
 - Công ty có trách nhiệm cung cấp trang bị đầy đủ về Hệ thống PCCC và các dụng cụ Bảo Hộ Lao Động phù hợp theo yêu cầu từng loại công việc (như quần áo, găng tay, giày dép, nón mũ...).
 - Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng máy móc thiết bị.
 - Có đầy đủ các văn bản hướng dẫn về An toàn LĐ - Vệ sinh LĐ - Nội quy LĐ cho Người lao động làm việc tại các máy móc, thiết bị ở khu vực sản xuất hay tại các khu vực có khả năng xảy ra tai nạn lao động, cháy nổ.
 - Thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho Người lao động ít nhất 01 lần trong năm.

- Phải khắc phục ngay các nguy cơ không an toàn trong sản xuất - kinh doanh khi đã được báo cáo những trục trặc về máy móc thiết bị ở nơi làm việc có thể gây ra tai nạn lao động hay bệnh nghề nghiệp cho Người lao động.
- Bảo đảm tuân thủ các qui định ưu tiên cho lao động nữ.

SB.4 – Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

- Trong năm công ty đã có 25 đợt đào tạo cho tổng số 171 lượt người lao động bao gồm cả các cấp quản lý.
- Nội dung đào tạo:
 - Luật BHXH, Luật lao động.
 - Huấn luyện an toàn vệ sinh lao động.
 - Huấn luyện sơ cứu cấp cứu.
 - Tìm hiểu ISO căn bản cho công nhân viên mới.
 - Chuyên gia đánh giá nội bộ.
 - Phát triển nguồn nhân lực để nâng cao chất lượng sản xuất công nghiệp về chuyên ngành nhựa – cao su, sản xuất bao bì
 - Tập huấn sử dụng phương tiện PCCC và Diễn tập PCCC.
 - Hướng dẫn sử dụng phần mềm AutoCad cho các nhân viên kỹ thuật phần mềm.
- Toàn bộ chi phí của các khóa đào tạo trên do công ty chi trả.
- Tỷ lệ tổng số người lao động được đánh giá hiệu quả công việc và phát triển chuyên môn là 80%.



SB.5 – Lương thưởng

- Tiền lương
 - Công ty và Người lao động cùng thỏa thuận trong Hợp đồng lao động về Tiền lương hàng tháng của Người lao động căn cứ vào yêu cầu - hiệu quả - chất lượng theo Bảng Mô tả công việc, song tiền lương trả Người lao động không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng do Nhà nước qui định. (Mức lương tối thiểu của Vùng 1 năm 2017 là 3.750.000đ, Năm 2018 là 3.980.000đ).
 - Người lao động có quyền được biết rõ các khoản trong lương thực lãnh cùng lý do khấu trừ vào lương (nếu có).
 - Người sử dụng lao động được nâng bậc lương theo Quy chế trả lương trả thưởng của Công ty.

- Khen thưởng
 - o Công ty thực hiện chế độ xét khen thưởng thi đua đối với Người lao động theo Quy chế thi đua và khen thưởng của Công ty đã qui định và ban hành hoặc xét thưởng thành tích dựa trên kết quả hoàn thành chỉ số KPI.
 - o Ngoài ra Người lao động có thể được khen và lĩnh thưởng đặc biệt hay đột xuất đối với trường hợp có thành tích xuất sắc và có sáng kiến, sáng tạo khoa học, tiết kiệm trong công tác hoặc trong lao động sản xuất có hiệu quả cao, làm lợi cho Công ty.
- Các tỷ lệ về lương và khen thưởng

- o Mức thu nhập bình quân qua các năm:

TT	Năm	Mức lương bình quân
1	2012	4.012.570
2	2013	4.185.806
3	2014	5.449.524
4	2015	6.323.392
5	2016	7.082.200
6	2017	7.940.000

- o So sánh thu nhập bình quân của nam và nữ

Nam: 7.481.370

Nữ : 6.592.310 (= 88% của nam / do số quản lý nữ ít hơn)

SB.6 – Lao động thuê từ cộng đồng địa phương

- Công ty ưu tiên tuyển nhân lực tại địa bàn hoạt động bằng các chính sách
 - Thông báo tuyển dụng được gửi đến các trường Trung cấp, Cao đẳng, Đại học trên địa bàn để tuyển dụng sinh viên mới ra trường.
 - Đưa ra các khoản thưởng khuyến khích nhân viên trong Công ty giới thiệu nhân viên sản xuất.
 - Dán thông báo tuyển dụng tại cổng Công ty.
 - Tỷ lệ tuyển dụng tại địa phương năm 2017 là 38%.

SB.7 Phúc lợi dành cho người lao động

- o Quỹ phúc lợi : Quỹ phúc lợi là một phần thu nhập được Đại Hội đồng Cổ đông Công ty trích từ lợi nhuận sau thuế để lại cho BGD Công ty sử dụng nhằm cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho công nhân viên lao động Công ty.
- o Quỹ phúc lợi bao gồm: Quỹ Công đoàn dùng để chi hỗ trợ thực hiện các hoạt động Văn hóa Thể thao của các Đoàn thể và các hoạt động phúc lợi tập thể cho Người lao động như: Hiếu, hỷ, ma chay, ốm đau.
- o Tặng quà hoặc tiền vào các ngày Lễ: Quốc tế Phụ nữ 8/3 (quà cho Phụ nữ). Tết Trung thu Quốc tế Thiếu nhi 1/6 (quà cho con người lao động từ 15 tuổi trở xuống). Ngày 22/12 thành lập Quân đội nhân dân (quà cho Bộ đội xuất ngũ).
- o Ban Giám Đốc Công ty cùng Công Đoàn thực hiện việc thăm hỏi, chăm sóc sức khỏe Người lao động làm việc tại Công ty. Trường hợp người lao động tham gia công đoàn thì thực hiện như sau:
 - Quỹ Phúc lợi: dùng để chi cho các hoạt động phúc lợi tập thể của Người lao động trong đơn vị; trợ cấp khó khăn.

- Tổ chức chúc mừng sinh nhật tập thể cho NLD sinh trong cùng tháng và tặng quà sinh nhật cho NLD làm việc 1 năm trở lên.
- Tặng quà hoặc tiền vào ngày Tết Nguyên đán (quà cho tất cả Người lao động).
- Tổ chức tham quan nghỉ mát cho Người lao động theo hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của từng Đơn vị/Bộ phận và tùy thuộc khả năng quỹ phúc lợi trong năm.
- Ban Giám Đốc Công ty hỗ trợ Trợ cấp khó khăn cho Người lao động khi Ban Chấp Hành Công Đoàn Công ty có đề nghị hợp lý.
- Thường vào các ngày lễ lớn như: Tết dương lịch (01/01), lễ 30/4 và 01/05, lễ Quốc khánh 02/09 nhằm khuyến khích tinh thần làm việc cho nhân viên.
- Tặng quà sinh nhật bằng tiền cho Người lao động làm việc tại Công ty đủ 1 năm trở lên.
- Hỗ trợ thực hiện các hoạt động phong trào Văn hóa Thể Thao Cộng đồng theo kế hoạch cụ thể.

c. Chỉ tiêu SC – Kinh tế

SC.1 – Giá trị kinh tế được tạo ra và phân phối

- Giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra :

Doanh thu 129.104.983.617 đồng

- Giá trị kinh tế được phân phối

○ Chi phí hoạt động	102.838.561.322 đồng
○ Lương	23.320.213.686 đồng
○ Khen thưởng và phúc lợi	1.094.655.500 đồng
○ Các khoản thanh toán cổ đông	3.442.025.940 đồng
○ Các khoản thuế phải nộp	9.518.582.204 đồng
○ Đầu tư cộng đồng	24.700.000 đồng

- Giá trị kinh tế được tích lũy 2.353.894.687 đồng

SC.2 – Hỗ trợ tài chính từ Chính phủ

- Năm 2016, công ty không có khoản nào được hỗ trợ tài chính từ chính phủ...

SC.3 – Sự phát triển và tác động của các hoạt động đầu tư cơ sở hạ tầng và dịch vụ hỗ trợ cộng đồng

- Trong năm 2016, công ty không có hoạt động đầu tư cơ sở hạ tầng và dịch vụ hỗ trợ cộng đồng

SC.4 – Các tác động kinh tế trọng yếu, bao gồm mức độ tác động

- Tác động của việc sử dụng sản phẩm và dịch vụ của Doanh nghiệp đối với nền kinh tế :

d. Chỉ tiêu SD – Chuỗi cung ứng

SD.1 – Các nhà cung cấp địa phương

- Công ty có chính sách ưu tiên sử dụng các nhà cung cấp địa phương tại khu vực TP.HCM.

- Tỷ lệ sản phẩm và dịch vụ đã mua tại địa phương trên tổng chi phí là: 100 %.
- Tỷ lệ các nhà cung cấp địa phương trên tổng số nhà cung cấp là 100%.

SD.2 - Chuỗi cung ứng

- Ưu tiên mua các sản phẩm và vật liệu đòi hỏi ít vận chuyển, đóng gói và lưu trữ và có thể tăng cường các mối quan hệ cộng đồng và thiện chí địa phương.
- Các sản phẩm mua với số lượng lớn và với ít bao bì để giảm đóng gói, bảo quản, vận chuyển và chi phí xử lý.
- Hàng năm bộ phận mua hàng của công ty phải tham quan, xem xét các nhà cung ứng để bảo đảm không có lao động bất hợp pháp cũng như các vấn đề xã hội trong chuỗi cung ứng.
- Ngoài ra công ty cũng ưu tiên lựa chọn nhà cung ứng thân thiện với môi trường, xã hội và cộng đồng.



e. Chỉ tiêu SE – Tác động đến cộng đồng và xã hội

SE.1 – Các chương trình phát triển cộng đồng

- Công ty luôn tham gia đóng góp để xây dựng và phát triển cộng đồng trong thời gian qua như:
 - o Chăm sóc, giúp đỡ một thương binh nặng tại địa phương.
 - o Tham gia các chương trình giảm thiểu sử dụng túi ni lông tại thành phố HCM.
 - o Tham gia các ngày hội tái chế của các quận huyện tổ chức...
 - o Ủng hộ dự án nước sạch và học đường cho Công ty Xanh Yêu Thương.
 - o Ủng hộ nạn nhân cháy nhà ở địa chỉ số 161 Lạc Long Quân, Quận 11, Tp.HCM.
 - o Ủng hộ công nhân trong Tổng Công ty LIKSIN bị bệnh hiểm nghèo.

SE.2 - Các dự án, cơ sở hoạt động có tác động tiêu cực với xã hội và cộng đồng

- Công ty không có các dự án hoặc cơ sở hoạt động nào có tác động tiêu cực với xã hội và cộng đồng.

f. Chỉ tiêu SF – Tuân thủ qui định

SF.1 – Tuân thủ các qui định về ảnh hưởng cộng đồng và xã hội

- Ý thức trách nhiệm của mình, công ty quan tâm hàng đầu đến việc tuân thủ các qui định về ảnh hưởng môi trường, cộng đồng và xã hội.
- Trong năm qua công ty không có trường hợp nào mà bên thứ ba khiếu nại và yêu cầu bồi thường.

SF.2 – Các khoản tiền phạt

- Năm hoạt động vừa qua công ty không có khoản tiền phạt nào vì không tuân thủ pháp luật và các qui định về cộng đồng và xã hội.

8. Chỉ tiêu phát triển bền vững về Quản trị công ty (G)

a. Chỉ tiêu GA – HĐQT, Ban kiểm soát và Ban Điều hành

GA.1 – HĐQT

- Công ty đã ban hành các văn bản qui định để thể chế hóa hoạt động vận doanh của công ty.
 - o Điều lệ công ty.
 - o Qui chế quản trị công ty.
 - o Qui chế tổ chức.
 - o Qui chế HĐQT, BKS.
 - o Trong qui chế HĐQT có qui định về cơ cấu tổ chức, các yêu cầu tối thiểu, chính sách bổ nhiệm/bãi nhiệm, thù lao của HĐQT.
 - o Qui chế tài chính.
- Chuyên môn và kỹ năng của các thành viên HĐQT phù hợp với trách nhiệm được phân công.
- HĐQT đã họp tổng số 11 cuộc họp trong năm.
- Tỷ lệ thành viên độc lập là 20%.
- Tổng giá trị các khoản thù lao của HĐQT là 300 triệu đồng chiếm tỷ lệ 4,61% trên lợi nhuận năm 2016 công ty.

GA.2 – Ban kiểm soát

- Trong qui chế BKS có qui định về cơ cấu tổ chức, các yêu cầu tối thiểu, chính sách bổ nhiệm/bãi nhiệm, thù lao của BKS.
- BKS áp dụng các tiêu chí sau để đánh giá hoạt động của HĐQT và BDH
 - o Tình hình thực hiện kế hoạch.
 - o Kết quả hoạt động kinh doanh.
 - o Các chỉ tiêu khác như: Lao động, tiền lương, các khoản bảo hiểm, thu nhập, quản trị điều hành, quản trị tài chính...
- BKS đã họp tổng số 04 cuộc họp trong năm.
- BKS có một thành viên là Luật sư và một Kế toán.

GA.3 Ban Điều hành

- Trong qui chế tổ chức có qui định về cơ cấu tổ chức, các yêu cầu tối thiểu, chính sách bổ nhiệm/bãi nhiệm, chính sách lương thưởng của BDH..
- Hàng năm năm một lần HĐQT trình đại hội cổ đông định hướng phát triển công ty trung và dài hạn của công ty.
- Kế hoạch trung dài hạn 2017-2021; các thay đổi chiến lược năm qua; các chiến lược cho các năm sau đã được trình bày chi tiết ở phần trên của báo cáo thường niên.
- Tổng giá trị các khoản lương, thưởng của BDH năm 2017 là 1.829.400.876 đồng
- Tỷ lệ hoàn thành chỉ tiêu tài chính năm qua 105,38%

b. Chỉ tiêu GB – Quản trị rủi ro

GB.1 – Quản trị rủi ro

- Công ty luôn nhận diện và xác định các rủi ro tiềm ẩn trong quá trình hoạt động như: Rủi ro về tỷ giá, lãi suất vay ngân hàng, rủi ro về sự thay đổi của pháp luật, rủi ro bất khả kháng.
- Hàng năm HĐQT công ty trong báo cáo hoạt động quản trị luôn dự báo về những rủi ro cũng như các trường hợp hi hữu có thể xảy ra và đưa ra các giải pháp phòng chống tích cực.
- Hoạt động khắc phục và phòng ngừa luôn được thực hiện và kiểm soát tốt suốt quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Các thành viên HĐQT và BDH đã tham gia các khóa học cũng như hội thảo về Quản trị rủi ro.

c. Chỉ tiêu GC – CBTT và minh bạch

GC.1 - CBTT và minh bạch

- Công ty tuân thủ các qui định về công bố thông tin định kỳ và bất thường, bảo đảm thông tin chính xác, kịp thời và minh bạch đến cổ đông và các nhà đầu tư.
- Tất cả báo cáo tài chính cũng như công bố thông tin đều được cập nhật trên trang thông tin điện tử www.alta.com.vn .
- Năm 2016, công ty không có vi phạm về công bố thông tin.

d. Chỉ tiêu GD – Cổ đông

GD.1 – Quyền cổ đông và đối xử bình đẳng đối với cổ đông

- Công ty luôn bảo vệ quyền của tất cả các cổ đông, bảo đảm đối xử bình đẳng với các cổ đông lớn & nhỏ, cá nhân & pháp nhân, trong nước & nước ngoài...thông qua các chỉ tiêu đánh giá như sau:
 - o Chi trả đầy đủ cổ tức năm 2016 vào ngày 30/6/2016
 - o Số ngày từ lúc chốt sổ cổ đông được nhận cổ tức đến ngày nhận cổ tức là 15 ngày.
 - o Bản báo cáo tài chính năm luôn được công bố bằng cả tiếng Anh và tiếng Việt.

- Số lượng cổ đông lớn và tỷ lệ nắm giữ đã được trình bày chi tiết ở phần trên của báo cáo thường niên.

e. Chỉ tiêu GE – Sản phẩm và dịch vụ

GE.1 – Chất lượng sản phẩm và dịch vụ

- Chính sách chất lượng của công ty về bảo đảm chất lượng sản phẩm đã nêu rõ:
 - o Xây dựng – duy trì và liên tục cải tiến hệ thống Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008. Cam kết tạo ra sản phẩm chất lượng bảo đảm quyền lợi, sức khỏe và sự an toàn của người tiêu dùng.
 - o Kiểm soát nghiêm túc các quy trình sản xuất và dịch vụ để gia tăng uy tín thương hiệu và bảo đảm hiệu quả vận doanh.
- Từ ngày thành lập đến nay công ty luôn quan tâm đến việc đầu tư các sản phẩm mang lại những tác động tích cực cho khách hàng, môi trường và cộng đồng như: Khăn giấy ướt thơm Luxta sử dụng một lần, bao bì tự phân hủy, bao bì Alta thân thiện môi trường, túi xách non woven, túi rác thơm khử trùng Oxo, tấm trải đa năng Neat bảo vệ môi trường.
- Các chỉ tiêu đánh giá chất lượng sản phẩm và dịch vụ:
 - o 100% tỷ lệ danh mục sản phẩm và dịch vụ được đánh giá về chất lượng và độ an toàn trước khi đến tay khách hàng.
 - o Các sản phẩm như khăn giấy, bao bì... đều được test chất lượng về hàm lượng kim loại.
 - o Các loại bao bì tiếp xúc với thực phẩm đều có giấy chứng nhận an toàn khi tiếp xúc với thực phẩm của Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Tp. HCM.
 - o Các dịch vụ giải trí của công ty luôn bảo đảm Phòng cháy chữa cháy, kiểm tra độ an toàn và khách tham gia đều có bảo hiểm rủi ro.
- Trong năm công ty không có vụ việc nào vi phạm, bị khiếu nại hoặc bị phạt về tác động không tốt của sản phẩm đến khách hàng, môi trường.

GE.2 – Thông tin tiếp thị của sản phẩm và dịch vụ

- Các thông tin về công năng, chất lượng, hướng dẫn và hạn sử dụng đều được công bố trên bao bì của sản phẩm.
- Trên bao bì của sản phẩm còn có logo được Cục Môi trường cấp phép cũng như dấu hiệu tái chế sản phẩm.

f. Chỉ tiêu GF – Tuân thủ các quy định

GF.1 – Tuân thủ các quy định về phòng chống hối lộ, tham nhũng và rửa tiền

- Công ty yêu cầu tất cả các thành viên đều phải ký cam kết về việc tuân thủ quy tắc ứng xử trong kinh doanh, giao dịch như sau:
 - o Cam kết không nhận các khoản hoa hồng, chiết khấu của Khách hàng, Đối tác và Nhà cung cấp... dưới bất kỳ hình thức nào.
 - o Tuyệt đối không lạm dụng chức vụ, quyền hạn; có hành vi tiêu cực, thiên vị, móc ngoặc với Khách hàng, Nhà cung cấp, các Đối tác kinh doanh... nhằm mang lợi ích cho cá nhân.
 - o Không được sử dụng bất kỳ quyền đại diện nào mà bản thân có được trong thời gian làm việc tại Công ty vào các mục đích đem lại lợi ích cho cá nhân hoặc cho người/ tổ chức khác dẫn đến thiệt hại cho Công ty, Đối tác, Khách hàng của Công ty.

GF.2 – Các vụ tham nhũng và các biện pháp đã triển khai

- Công ty không chấp nhận mọi trường hợp tham nhũng, hối lộ và rửa tiền. Mọi cá nhân và tập thể vi phạm đều bị kỷ luật và xử lý.

GF.3 – Cạnh tranh lành mạnh

- Công ty không sử dụng các biện pháp cạnh tranh không lành mạnh trên thương trường, tuyệt đối không sử dụng giá thấp không hợp lý để tranh giành khách hàng.
- Tiêu chí cạnh tranh của công ty là sản phẩm phải khác biệt và chất lượng hơn.

GF.4 – Các khoản tiền phạt.

- Trong năm công ty không có vi phạm cũng như các khoản phạt nào liên quan đến việc không tuân thủ luật pháp và qui định về quản trị.

